

Số: 200 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 11 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi**  
**thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Khoản 4, Điều 16, Luật Quy hoạch, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

**I. VỀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH TỈNH VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Việc lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được thực hiện tuân thủ quy trình lập quy hoạch tỉnh tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch và các quy định khác của pháp luật có liên quan, cụ thể:

Thực hiện Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt dự toán kinh phí<sup>1</sup>, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu<sup>2</sup>, ban hành kế hoạch lập quy hoạch tỉnh<sup>3</sup>; trong đó, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh theo quy định.

Sau khi hoàn tất công tác đấu thầu và lựa chọn các đơn vị tư vấn<sup>4</sup>, tổ chức xây dựng 36 Báo cáo chuyên đề<sup>5</sup> để tích hợp vào quy hoạch tỉnh; đồng thời xây

<sup>1</sup> Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch tỉnh.

<sup>2</sup> Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch tỉnh.

<sup>3</sup> Các Kế hoạch: số 119/KH-UBND ngày 17/8/2021 và số 83/KH-UBND ngày 17/5/2022.

<sup>4</sup> (1) Đơn vị tư vấn lập gói thầu số 2: lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là Liên danh Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng không gian kiến trúc quốc tế; Công ty cổ phần phát triển đô thị ANGKORA; Viện nghiên cứu phát triển MEKONG; Viện quy hoạch xây dựng; Trung tâm tư vấn thông tin và truyền thông;

(2) Đơn vị tư vấn lập gói thầu số 3: lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh là Trung tâm công nghệ môi trường.

<sup>5</sup> Có 38 nội dung đề xuất, trong đó có 02 nội dung đề xuất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về đất quốc phòng và Công an tỉnh về đất an ninh đã được tích hợp vào Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp nên không xây dựng thành Báo cáo chuyên đề.

dựng Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh).

Từ tháng 8/2021<sup>6</sup> đến nay, UBND tỉnh đã tổ chức gần 10 buổi họp, làm việc với các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị tư vấn để thảo luận, thống nhất các nội dung liên quan; tổ chức 03 Hội thảo<sup>7</sup> với sự tham gia của các Bộ ngành Trung ương, các chuyên gia, nhà khoa học, Lãnh đạo tỉnh, đại diện lãnh đạo các địa phương lân cận, trong vùng và các ngành, địa phương để cùng chia sẻ, lắng nghe, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình triển khai xây dựng quy hoạch, có sự trao đổi thường xuyên, liên tục giữa cơ quan lập quy hoạch, liên danh tư vấn với các Sở, ngành; giữa các Sở, ngành với UBND huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, sự liên kết giữa các nội dung của quy hoạch, xử lý các mâu thuẫn giữa các nội dung.

Sau khi tiếp thu kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 07/9/2022<sup>8</sup> và ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; cơ quan lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục lấy ý kiến và tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, UBND cấp tỉnh các địa phương liên kề, trong vùng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, UBND cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quy hoạch tỉnh; đến nay, đã hoàn thiện Quy hoạch tỉnh trình Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực).

Theo đó, cơ quan lập quy hoạch đã nghiên cứu, nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung và đến nay Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh đã đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định<sup>9</sup>. Căn cứ điểm i Khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **II. VỀ CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG BÁO CÁO THUYẾT MINH QUY HOẠCH TỈNH**

### **1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch**

Phạm vi ranh giới quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên là 5.155,24 km<sup>2</sup> và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển

<sup>6</sup> Thời điểm ký hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh.

<sup>7</sup> Hội thảo thông qua báo cáo đầu kỳ quy hoạch tỉnh ngày 12/01/2022; Hội thảo thông qua báo cáo giữa kỳ ngày 05/4/2022; Hội thảo thông qua báo cáo giữa kỳ ngày 16/6/2022.

<sup>8</sup> Thông báo Kết luận số 565-KL/TU ngày 09/9/2022

<sup>9</sup> (1) Điều 27 Luật Quy hoạch, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch đã được Chính phủ quy định tại Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15/9/2020<sup>9</sup>; (3) 38 nội dung đề xuất đưa vào quy hoạch tỉnh.

và hải đảo, Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, có tọa độ địa lý từ 14°31'50" đến 15°25'30" vĩ độ Bắc, từ 108°14'05" đến 109°05'00" kinh độ Đông (đồng bộ xuyên suốt TMTH). Tỉnh Quảng Ngãi có giới hạn địa lý như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp tỉnh Bình Định; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp biển Đông.

## **2. Quan điểm, mục tiêu và các định hướng lớn tạo đột phá phát triển**

### **2.1. Quan điểm phát triển**

(1) Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025.

(2) Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động, tận dụng triệt để các tiềm năng và nguồn lực để tạo động lực cho sự phát triển. Trong ngắn hạn, phát triển nhanh dựa trên cơ sở tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực đang có sẵn lợi thế; trong trung hạn và dài hạn, phân bổ tối đa nguồn lực hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững.

(3) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng vào năng suất kinh tế thay vì năng suất sản phẩm. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, qua đó tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làm động lực phát triển.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường hình thành các mối liên kết trong phát triển với các địa phương khác trong vùng và các khu vực lân cận, chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập quốc tế.

(5) Tiếp tục đầu tư tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, có khả năng lan tỏa lợi ích lớn và phục vụ đa mục tiêu phát triển.

(6) Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp và con người là trung tâm và động lực chính của sự phát triển. Theo đó, không ngừng nâng cao chất lượng hành chính công, nghiên cứu ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để tạo môi trường phát triển kinh tế lành mạnh, thuận lợi cho doanh nghiệp, qua đó tạo điều kiện thu hút đầu tư. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng tiên quyết cho sự phát triển bền vững, lâu dài; góp phần quan trọng trong việc nâng cao và đảm bảo chất lượng lao động cho nhu cầu phát triển.

(7) Khai dậy tiềm năng để tạo đột phá trong phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc

biệt là du lịch. Phát triển du lịch phải tạo nét đặc sắc riêng so với các tỉnh khác trong vùng, theo hướng bền vững và trải nghiệm cao cấp thay vì phát triển ồ ạt.

(8) Phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của mọi tầng lớp xã hội.

(9) Phát triển hài hoà ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường; không đánh đổi sự phát triển trước mắt với rủi ro về môi trường; chủ động trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

(10) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, ứng phó với các tác động tiêu cực từ tình hình an ninh trật tự trên thế giới và khu vực.

## **2.2. Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch**

### ***a) Các nhiệm vụ trọng tâm***

Các nhiệm vụ trọng tâm gồm: (1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị; (2) Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; hoàn thiện xây dựng chính quyền điện tử; (3) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, qua đó nâng cao chất lượng tăng trưởng. Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (4) Đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tài nguyên nước; bảo vệ đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; (5) Đổi mới sắp xếp không gian phát triển kinh tế xã hội. Đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; (6) Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch để từng bước trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển, quảng bá văn hóa, lịch sử, di sản Quảng Ngãi; xây dựng hình ảnh con người Quảng Ngãi nhân văn, nghĩa tình với bản sắc riêng.

### ***b) Các khâu đột phá phát triển của tỉnh***

Năm khâu đột phá gồm: (1) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách hành chính. Nghiên cứu, ban hành hoặc đề xuất các cơ chế, chính sách tạo điều kiện phát triển các vùng động lực, các lĩnh vực tiềm năng, các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động...; (3) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn lực thu được từ công nghiệp hỗ trợ phát triển các lĩnh vực phù hợp hơn với xu thế phát triển của tương lai; (4) Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, tạo động lực cho phát triển. Ưu tiên các công trình trọng điểm về giao thông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số; (5) Áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên.

### 2.3. Xây dựng các kịch bản phát triển phát triển tỉnh và lựa chọn phương án phát triển phát triển

Dựa trên phân tích về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua; các điểm mạnh, điểm yếu; sự tác động của các yếu tố bên trong (môi trường, cơ chế, chính sách, hạ tầng, nguồn nhân lực...) và khả năng tác động của các yếu tố bên ngoài (bối cảnh thế giới, bối cảnh trong nước...) tới nền kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi, đề xuất 03 kịch bản phát triển, bao gồm: (1) Phát triển theo hướng đa trung tâm; (2) Phát triển theo hướng công nghiệp hoá toàn diện; (3) Phát triển theo hướng hài hoà và bền vững, cụ thể:

Nội dung	Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng theo hướng đa trung tâm, ổn định và cân đối dựa trên các điều kiện kinh tế hiện tại.</li> <li>- Mỗi địa phương độc lập phát triển kinh tế dựa trên những tiềm năng, thế mạnh sẵn có nhằm đạt được mục tiêu chính địa phương đó đặt ra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nền kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá toàn diện và xác định công nghiệp sản xuất sẽ dẫn dắt sự phát triển của tỉnh trong cả ngắn hạn và dài hạn.</li> <li>- Tiếp tục tận dụng lợi thế về Khu Kinh Tế Dung Quất và hỗ trợ tối đa đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp nền tảng chủ lực (dầu, thép...) với nhịp độ cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển một cách hài hoà giữa các lĩnh vực theo xu hướng xanh và bền vững trong tương lai.</li> <li>- Các lĩnh vực công nghiệp nền tảng như sản xuất dầu, thép, đóng tàu... vẫn sẽ là đầu tàu dẫn dắt sự phát triển kinh tế của tỉnh.</li> <li>- Đề xuất các định hướng về phát triển và phân bổ nguồn lực để dần dịch chuyển cơ cấu nền KT theo hướng phát triển các lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển bền vững cho các giai đoạn sau và mang lại giá trị KT cao.</li> </ul>
Điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự ổn định trong ngắn hạn.</li> <li>- Các địa phương dễ dàng triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế phù hợp với địa bàn.</li> <li>- Rủi ro của kịch bản này không cao do phát triển chủ yếu dựa trên các định hướng sẵn có.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong ngắn hạn là rất lớn.</li> <li>- Việc đẩy mạnh phát triển các thế mạnh về KKT Dung Quất và đặc biệt là các ngành CN nặng (<i>dầu, luyện kim, logistics...</i>) sẽ là bàn đạp để mở rộng quy mô nền kinh tế một cách nhanh chóng trong giai đoạn 2021 – 2030.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng và tốc độ phát triển KT của tỉnh ổn định.</li> <li>- Việc định hướng và phân bổ nguồn lực để dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng giảm bớt phụ thuộc vào các ngành CN phát thải cao sẽ tạo ra những động lực bứt phá mới mang tính bền vững và nâng cao chất lượng tăng trưởng cho các GD sau.</li> <li>- Hơn nữa, việc chuyển dịch cơ cấu KT và chú trọng đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực phù hợp với xu hướng phát triển xanh sẽ tạo ra một nền KT hài hoà hơn và có khả năng chống chịu tốt trước các diễn biến khó lường của nền KT thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực dầu mỏ.</li> </ul>

Nội dung	Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3
Điểm yếu	Khả năng phát triển kinh tế chung của tỉnh sẽ bị hạn chế do không có tính đồng bộ, thiếu sự kết nối và hỗ trợ giữa các địa phương trong tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng tăng trưởng ít có sự đột phá, không phù hợp với xu hướng tăng trưởng xanh trong giai đoạn phát triển mới, đặc biệt là sau năm 2030.</li> <li>- Trong trung hạn và dài hạn, khi dư địa phát triển và lợi thế của các lĩnh vực CN nặng dần mất đi, nền KT của tỉnh sẽ ở thế bị động do thiếu sự chuẩn bị để chuyển dịch và sẽ dẫn tụt hậu so với các ĐP khác.</li> <li>- Sẽ mang lại nhiều rủi ro trước những yếu tố biến động của nền kinh tế trong tương lai.</li> </ul>	- Khả năng và tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh trong ngắn hạn không mang tính đột phá cao
Một số giả định chính chung cho 3 kịch bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NMLD Dung Quất hoàn thành dự án nâng cấp vào năm 2025 và bắt đầu kết nối sản xuất vào năm 2026.</li> <li>- NMLD Dung Quất tiến hành bảo dưỡng định kỳ trong vòng 02 tháng trong các năm 2023, 2026, và 2029</li> <li>- Dự án Nhà máy gang thép Hoà Phát Dung Quất 2 hoàn thành vào năm 2024 và bắt đầu sản xuất năm 2025 (<i>sản lượng 2,5 tấn trong năm đầu tiên và tăng lên 5,6 triệu tấn bắt đầu từ năm 2026</i>)</li> <li>- Các chuỗi sản xuất, chế biến sâu nông sản dần được hình thành.</li> <li>- Các dự án xây dựng phát triển Lý Sơn được triển khai.</li> <li>- Một số dự án du lịch khác được triển khai (<i>mức khoáng nóng Thạch Bích, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, các khu du lịch ven biển Mỹ Khê</i>).</li> </ul>		
Một số giả định chính riêng cho 3 kịch bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mô hình NN xanh, NN hữu cơ, NN tuần hoàn được mở rộng nhưng với quy mô nhỏ lẻ, rải rác ở các địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mô hình NN xanh, NN hữu cơ, NN tuần hoàn mở rộng mang tính tập trung như với quy mô nhỏ.</li> <li>- Các DA điện khí DQ I, II, III được triển khai.</li> <li>- Hỗ trợ Hoà Phát xây dựng nhà máy gang thép Hoà Phát – Dung Quất 3 (<i>có thể hoàn thành và đi vào SX năm 2029 với sản lượng 2 triệu tấn và nâng lên 6 triệu tấn năm 2030</i>).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mô hình NN xanh, NN hữu cơ, NN tuần hoàn được đẩy mạnh mở rộng, dần hình thành theo hướng quy mô lớn tập trung.</li> <li>- Đẩy mạnh hoàn thiện và nâng cấp hệ thống hạ tầng phục vụ Logistics, vận tải, kho bãi.</li> <li>- Đẩy mạnh thu hút đầu tư các lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, linh kiện máy móc, các sản phẩm sau thép.</li> </ul>

Trong đó, một số chỉ tiêu kinh tế trong giai đoạn 2021-2030 theo 03 kịch bản phát triển được dự kiến như sau:

TỔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN					
KINH TẾ - XÃ HỘI 2021 – 2030					
Chỉ tiêu	Bình quân giai đoạn 2021 - 2025/đến năm 2025 <sup>10</sup>	Bình quân giai đoạn 2026 - 2030/đến năm 2030 Kịch bản 1	Bình quân giai đoạn 2026 - 2030/đến năm 2030 Kịch bản 2	Bình quân giai đoạn 2026 - 2030/đến năm 2030 Kịch bản 3	Đề xuất kế hoạch 5 năm 2026 - 2030/đến năm 2030
GRDP giá SS 2010 (%)	7,0 – 8,0	6,24	8,85	7,74	7,5 - 8,5
Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	4,0 – 5,0	4,00	4,50	5,0	5,0
Công nghiệp - Xây dựng (%)	-	6,78	11,53	7,99	8,0 - 9,0
- Công nghiệp (%)	8,0 – 9,0	7,39	12,56	8,69	8,5 - 9,5
Dịch vụ (%)	8,0 – 9,0	9,00	10,50	11,50	11,0 - 12,0
Tỷ trọng Công nghiệp và Dịch vụ (%)	69 - 69	71 - 72	73 - 74	72 – 73	72 - 73
Tăng trưởng năng suất lao động (%)	6,0 – 8,0	6,0 – 7,0	8,0 – 9,0	7,0 – 8,0	7,0 - 8,0
GRDP bình quân đầu người (USD)	4.200 - 4.400	7.200 - 7.400	8.100 - 8.300	7.700 - 7.900	7.700 - 7.900
Tổng vốn đầu tư trên địa bàn cả giai đoạn (tỷ đồng)	150.000	203.867	304.972	260.965	260.000

- Lựa chọn phương án phát triển phát triển và xác định mục tiêu phát triển theo phương án lựa chọn: Trên cơ sở phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của 03 kịch bản phát triển; dự lường xu thế phát triển trong tương lai, cũng như xem xét tính khả thi, lợi thế cạnh tranh và sự phù hợp với các quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh, đề xuất lựa chọn kịch bản 3 với một số chỉ tiêu phát triển kinh tế như sau:

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế theo kịch bản 3	Bình quân giai đoạn 2021 – 2030	Trong đó	
		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
GRDP tăng trưởng trung bình	7,25 - 8,25%	7 - 8%/năm	7,5 – 8,5%/năm
Tốc độ tăng trưởng trung bình của các khu vực, cụ thể:			
+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,0-5,0%/năm	4 - 5%/năm	5%/năm
+ Công nghiệp	8,25-9,25%/năm	8 - 9%/năm	8,5 - 9,5%/năm
+ Dịch vụ	10-11%/năm	8 - 9%/năm	11 - 12%/năm
Tỷ trọng của Công nghiệp và Dịch vụ trong cơ cấu GRDP vào cuối giai đoạn		68 – 69%	72 - 73%.

<sup>10</sup> Theo Nghị Quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX

Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế theo kịch bản 3	Bình quân giai đoạn 2021 – 2030	Trong đó	
		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
GRDP bình quân đầu người (giá thực tế)		4.200-4.400 USD/người/năm vào năm 2025	7.700 – 7.900 USD/người/năm vào năm 2030
Năng suất lao động tăng bình quân	6,5 - 7,5 %/năm	6 - 8%/năm	7,0 - 8,0 %/năm
Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt	410.000 tỷ đồng	150.000 tỷ đồng	260.000 tỷ đồng

## 2.4. Mục tiêu phát triển

### a) Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu đến năm 2030, Quảng Ngãi là một tỉnh công nghiệp với hai ngành công nghiệp chủ lực là lọc hóa dầu và luyện kim thép. Các loại hình công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao dần hình thành tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Tỉnh từng bước xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là lĩnh vực du lịch. Các mô hình về nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dần được nhân rộng. Tỷ lệ đô thị hóa được nâng cao với cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh dần được hoàn thiện. Công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tiếp tục được chú trọng và đạt được các chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn.

Hướng đến năm 2050, Quảng Ngãi là một tỉnh phát triển bền vững và đa dạng với các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tập trung tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung; các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại và đặc sắc chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; các loại hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trở thành mũi nhọn của lĩnh vực nông nghiệp; hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với nhu cầu phát triển; hệ thống đô thị thông minh, hiện đại và hệ thống nông thôn phát triển đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; hệ thống mạng lưới phát triển khoa học như các trung tâm nghiên cứu và phát triển (đặc biệt là về các lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao...), trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, các cộng đồng nghiên cứu khoa học dần được hình thành trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, con người Quảng Ngãi, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, an sinh xã hội. Đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

#### \*Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025; 7,5 - 8,5%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 7,25 - 8,25%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030). Trong đó:



+ Tốc độ tăng trưởng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt 4,0 - 5,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025; 5%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 4 - 5%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030).

+ Tốc độ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp bình quân đạt 8,0 - 9,0%/năm; giai đoạn 2021 - 2025; 8,5 - 9,5%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 8,25 - 9,25%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030).

+ Tốc độ tăng trưởng của khu vực Dịch vụ bình quân đạt 8,0 - 9,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025, 11,0 - 12,0%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 10,0 - 11,0%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030).

(2) Tỷ trọng của khu vực Công nghiệp và Dịch vụ trong cơ cấu GRDP đến năm 2025 đạt 69 - 70%; đến 2030 đạt 72 - 73%.

(3) Năng suất lao động tăng trưởng bình quân 6,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025; 7,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 6,5 - 7,5% cả giai đoạn 2021 - 2030).

(4) GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trong khoảng 4.200 - 4.400 USD; đến năm 2030 đạt trong khoảng 7.700 - 7.900 USD.

(5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 150.000 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 260.000 tỷ đồng (410.000 tỷ đồng cho cả giai đoạn 2021 - 2030).

*\* Về xã hội:*

(6) Chỉ số phát triển con người HDI đạt mức trung bình của cả nước vào năm 2025 và duy trì thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP tới năm 2030.

(7) Đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 50%; Tiểu học: 88,0%; Trung học cơ sở: 88,0%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 32,0%; Trung học phổ thông: 71,0%. Đến năm 2030, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 80,0%; Tiểu học: 89,0%; Trung học cơ sở: 90,1%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 38,5%; Trung học phổ thông: 78,9%.

(8) Đến năm 2025, đạt 32 giường bệnh và 8 bác sĩ; đến năm 2030 tiếp tục duy trì trên 32 giường bệnh/vạn dân; phấn đấu đạt trên 11 bác sĩ/vạn dân, trên 3 được sĩ/vạn dân. Đến năm 2025, ý lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%, duy trì đến năm 2030;

(9) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 1-1,5%/năm.

(10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt trên 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 90%; đến năm 2030 đạt trên 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 95%.

(11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 33 m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó: Tại khu vực đô thị đạt 37,0 m<sup>2</sup> sàn/người và tại khu vực nông thôn đạt 29,0 m<sup>2</sup> sàn/người.

*\* Về bảo vệ môi trường*

(12) Nâng cấp tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, đến năm 2025 khu vực

thành thị là 95% và nông thôn trên 75%; đến năm 2030 với khu vực thành thị 100% và nông thôn trên 80%.

(13) Đến năm 2025, ít nhất 90% chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý; đến năm 2030 là 100%.

(14) Đến năm 2025, ít nhất 92% các khu, 60% các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường. Đến năm 2030, 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường. Đối với đô thị: Tỷ lệ xử lý nước thải đến năm 2025 đạt 30% đối với đô thị loại II, 10% đối với các đô thị còn lại; đến năm 2030 đạt 50% đối với đô thị loại II và 20% đối với các đô thị còn lại. Đối với khu vực nông thôn: Đến năm 2030 phần đầu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

(15) Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định từ 52% trở lên, hướng đến mục tiêu đạt chứng nhận tín chỉ cacbon đạt tiêu chuẩn quốc tế để có thể bán ra thị trường thế giới, trong tương lai đây là một nguồn thu có nhiều tiềm năng lớn.

*\* Về không gian và kết cấu hạ tầng*

(16) Tỷ lệ đô thị hóa ngang với bình quân của cả nước (trên 50% theo định hướng toàn vùng đến năm 2030).

(17) Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

*\* Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*

(18) Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó: có 65 - 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện. Hàng năm, có ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh trật tự”.

### **3. Phát triển ngành, lĩnh vực**

#### **3.1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh**

##### *a) Ngành công nghiệp*

Trong giai đoạn 2021 - 2030, các ngành công nghiệp nền tảng (lọc dầu, luyện kim thép v.v.) sẽ là động lực chính dẫn dắt sự phát triển kinh tế của tỉnh; dần hình thành các khu vực sản xuất điện quy mô lớn với các nguồn năng lượng xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các chuỗi sản xuất, chế biến sâu nông sản. Hướng đến năm 2050, dầu mỏ và luyện kim thép duy trì sản xuất với quy mô ổn định, giảm dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp phát thải lớn, quy mô ngành sản xuất điện (điện gió, điện mặt trời, điện khí, điện sinh khối) đủ lớn để giúp Quảng Ngãi trở thành một trong những trung tâm công nghiệp công nghệ cao và trung tâm năng lượng sạch, năng lượng tái tạo của vùng Duyên hải miền Trung, chế biến sâu nông sản trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của Quảng Ngãi.

Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, phát triển theo hướng hiện đại hóa, công nghệ cao, thân thiện với môi trường và mở rộng theo chuỗi giá trị dựa trên cơ sở các điều kiện và lợi thế của các ngành công nghiệp ưu tiên đang có. Đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành một trong những trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.

#### *b) Ngành nông nghiệp*

Hướng đến năm 2030, các lĩnh vực nông lâm thủy sản chủ lực của Quảng Ngãi là: Trồng trọt (lúa, rau củ quả), chăn nuôi (trâu bò, heo, gia cầm); đánh bắt thủy sản; trồng cây rừng lâu năm (các sản phẩm về gỗ, tín chỉ Carbon). Hướng đến năm 2050, nền nông nghiệp Quảng Ngãi là nền nông nghiệp hiện đại với nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn là chủ đạo với quy mô sản xuất mang tính công nghiệp, rộng lớn.

#### *c) Ngành thương mại – dịch vụ*

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch chất lượng cao, trong đó, tập trung phát triển các loại hình du lịch (biển, biển đảo, rừng, nghỉ dưỡng v.v.) mang tính khác biệt so với các tỉnh lân cận theo hướng xanh, bền vững, cao cấp gắn với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh, ngày càng nâng cao giá trị đóng góp vào tổng giá trị sản phẩm của Tỉnh; hệ thống Logistics, vận tải, kho bãi được hình thành và vận hành hiệu quả; tỷ lệ số hoá trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ nội địa được nâng cao bằng mức bình quân của cả nước. Hướng đến năm 2050, Quảng Ngãi trở thành một thương hiệu du lịch cao cấp, điểm đến du lịch mang tầm quốc tế với các loại hình du lịch đa dạng. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển hệ thống logistics, vận tải, kho bãi v.v.

Nghiên cứu tận dụng điểm mạnh về khả năng liên kết giao thông, hệ thống cảng biển của tỉnh để đề xuất Chính phủ đồng ý cho Quảng Ngãi xây dựng khu phi thuế quan.

#### *d) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác khác*

Hỗ trợ hình thành hoặc tiếp tục duy trì phát triển với quy mô hợp lý các ngành sau để giải quyết việc làm cho lao động phổ thông và hỗ trợ phát triển các ngành chủ lực và các ngành khác: Công nghiệp sửa chữa và đóng tàu; chế biến đồ uống; dệt may - da giày; điện tử, công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp môi trường; các ngành công nghiệp hỗ trợ (hỗ trợ ngành lọc hoá dầu; hỗ trợ ngành luyện kim, cơ khí chế tạo, đóng tàu; hỗ trợ dệt may, da giày...)

Quảng Ngãi còn có tiềm năng phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao khác để tăng sự đa dạng trong cơ cấu sản phẩm; tạo vùng nguyên liệu đầu vào cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi khác và chế biến thực phẩm chủ lực; phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương như: Trồng bắp (ngô), trồng sắn (mì), tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng, chè Minh Long, nuôi dê, nuôi ong, nuôi yến..., nuôi trồng thủy sản.

Ngoài các lĩnh vực chủ lực, quan trọng của thương mại - dịch vụ, nhóm ngành về Bưu chính viễn thông; tài chính - ngân hàng cũng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo và hỗ trợ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi, cần luôn được duy trì phát triển, nâng cấp cho phù hợp với nhu cầu của

các giai đoạn.

### **3.2. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội**

#### *a) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, vùng bảo tồn*

- Về trung tâm hành chính: Trung tâm chính trị - hành chính bao gồm các cơ quan Đảng, chính quyền tỉnh Quảng Ngãi được đặt tại trung tâm thành phố Quảng Ngãi. Các trung tâm hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố được đặt tại các thị trấn huyện lỵ, trung tâm thị xã và trung tâm thành phố.

- Về trung tâm công nghiệp: Các hoạt động sản xuất và phát triển công nghiệp được tập trung chủ yếu tại các khu công nghiệp (KCN) thuộc Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp khác như: KCN Quảng Phú và KCN Phổ Phong. Ngoài các khu công nghiệp quy mô lớn, các hoạt động phát triển công nghiệp cũng được phát triển với quy mô hợp lý tại các cụm công nghiệp trên địa bàn các địa phương của tỉnh. Tùy tình hình phát triển kinh tế - xã hội và định hướng quy hoạch cấp trên (quốc gia, vùng...) mà tỉnh Quảng Ngãi có thể đề xuất bổ sung các Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp mới phù hợp với tình hình thực tế.

- Về khu vực sản xuất nông nghiệp:

+ Vùng núi cao: Phạm vi của các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long và Sơn Tây. Hình thành vùng trồng dược liệu, trồng chè, trồng rừng cây gỗ lớn, phát triển rừng trồng sản xuất, cây lâm sản ngoài gỗ. Phát triển chăn nuôi trâu thịt, các loại vật nuôi đặc sản bản địa, đẩy mạnh nuôi thủy sản trên các lồng hồ thủy lợi, thủy điện.

+ Vùng đồi thấp (trung du): Phạm vi các huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh và các xã phía Tây huyện Tư Nghĩa, huyện Bình Sơn, huyện Mộ Đức. Phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng trồng cây ăn quả, hình thành các vùng trồng cỏ phục vụ chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò v.v. Phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị.

+ Vùng đồng bằng: Phạm vi các huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, các xã phía Đông huyện Bình Sơn, huyện Tư Nghĩa. Phát triển các vùng lúa hàng hóa chất lượng cao, hữu cơ, canh tác tự nhiên, lúa ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra phát triển các vùng trồng rau sạch, các loại rau, đậu, hoa v.v.

+ Vùng ven biển và trên biển: Phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

+ Vùng hải đảo: Phạm vi huyện đảo Lý Sơn. Phát triển nông nghiệp có trọng tâm, tập trung vào duy trì ổn định một sản lượng hợp lý đối với các đặc sản địa phương (hành, tỏi...). Dần dần mở rộng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, hướng tới sản xuất các sản phẩm đặc sản địa phương chất lượng cao và phục vụ chủ yếu các nhóm đối tượng khách hàng cao cấp.

- Về trung tâm dịch vụ logistics, các trung tâm thương mại dịch vụ: Phát triển mạng lưới logistics với 02 trung tâm trọng điểm của tỉnh đặt tại KKT Dung Quất và thị xã Đức Phổ. Ngoài ra, phát triển các trung tâm đầu mối trung chuyển hàng hóa gắn liền với dịch vụ hậu cần khai thác và chế biến lâm sản quy mô hợp

lý tại khu vực thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà) và khu vực Ba Vi – Ba Tiêu (huyện Ba Tơ). Phát triển mạng lưới chợ hạng 1 tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố (đô thị loại IV trở lên).

- Về phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí: Phát triển các dự án tổ hợp đô thị dịch vụ du lịch khách sạn cao cấp được quy hoạch mới tại Bình Châu (huyện Bình Sơn), đảo Lớn và đảo Bé (huyện Lý Sơn), biển Mỹ Khê (thành phố Quảng Ngãi) và các bãi biển khác dọc theo tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh, không gian văn hóa Sa Huỳnh và Đầm An Khê và các dự án du lịch sinh thái núi Ca Đam, Khu bảo tồn Kon Chư Răng, Khu du lịch sinh thái Thác Trắng - Đập Đồng Cản, Hồ Nước Trong, suối nước nóng Thạch Bích v.v.

- Về phân bố không gian phát triển dịch vụ xã hội và bảo vệ, bảo tồn di tích văn hóa lịch sử: Duy trì mạng lưới phân bố không gian các cơ sở dịch vụ xã hội hiện có. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ phù hợp với từng khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và liên kết vùng. Mở rộng phát triển mạng lưới các cơ sở dịch vụ xã hội ngoài công lập, đặc biệt là dịch vụ chuyển giao ứng dụng công nghệ, dịch vụ đào tạo, y tế chất lượng cao.

*b) Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng*

- Về hạ tầng giao thông: Nâng cấp và hoàn thiện kết nối hệ thống đường tỉnh với hệ thống đường quốc lộ theo trục dọc và trục ngang, cùng mạng lưới đường huyện, xã tạo thành mạng liên hoàn nối với mạng quốc gia, nối liền các khu vực đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, các cửa khẩu, phục vụ cho các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện của tỉnh. Xây dựng, phát triển mạng lưới đường sắt quốc gia qua địa bàn tỉnh. Phát triển các cảng biển, khu bến theo quy hoạch. Chủ động liên kết với tỉnh Quảng Nam để sử dụng hiệu quả, hợp lý cảng hàng không Chu Lai. Ngoài ra, đề xuất hình thành 01 sân bay trên đảo Lý Sơn với quy mô và công năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Về hạ tầng truyền tải điện: Kết nối với lưới điện quốc gia qua các trạm biến áp 500kV Dốc Sỏi (Trạm 500kV Dốc Sỏi sẽ được tăng cường công suất lên thành 1200MVA), điện áp 500/220/22 kV và các trạm biến áp nâng áp 22/110 kV. Hệ thống lưới điện 220kV và 110kV, lưới điện trung áp và hạ áp của tỉnh truyền điện từ các trạm biến áp được nâng cấp và xây dựng mới về các khu vực thành phố, thị xã, khu vực nông thôn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Về hạ tầng thông tin: Kết nối, liên thông hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin ở Trung ương qua hệ thống kết nối NGSP, phục vụ xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu kết nối với mạng thông tin hành chính điện tử, tích hợp với Trung tâm tích hợp dữ liệu quốc gia.

- Về hạ tầng xã hội:

+ Đẩy mạnh tiến hành liên kết, hợp tác với các trường đại học quốc gia trong vùng và tại các thành phố lớn trong việc đào tạo lực lượng lao động. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy từ xa, thúc đẩy liên kết với các trường đại học quốc gia trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Liên kết, hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương trên cả nước trong công tác khám, chữa bệnh và chuyển giao kỹ thuật. Triển khai hệ thống thông tin ngành y tế tỉnh, hệ thống thông kê y tế điện tử và hồ sơ sức khỏe điện tử để cung cấp thông tin và kết nối với Trung tâm dữ liệu y tế quốc gia.

+ Phát triển Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, Trung tâm Giống tinh và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

+ Liên kết với các tỉnh trong khu vực hình thành các loại hình dịch vụ trải nghiệm văn hóa miền Trung. Nhân rộng số lượng các điểm tham quan di tích thành điểm tham quan du lịch theo hướng bền vững. Lựa chọn xây dựng các di sản tiêu biểu của tỉnh để giới thiệu du khách phám phá trên tuyến kết nối Con đường di sản miền Trung.

+ Thực hiện đẩy mạnh xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và nhu cầu của từng địa phương theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hoá qua địa bàn, hỗ trợ xuất khẩu và phục vụ các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

*c) Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển*

Về không gian phát triển tỉnh Quảng Ngãi, được làm rõ qua cấu trúc 6 không gian kinh tế động lực, trong đó, mỗi không gian được định vị các lĩnh vực quan trọng có thể trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của khu vực trong tương lai. Cấu trúc này đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa vùng duyên hải và vùng trung du miền núi hay hải đảo về mặt kinh tế. Về các khu vực hạn chế phát triển đô thị: bao gồm các khu vực bảo tồn thiên nhiên; các hành lang đa dạng sinh học; các khu vực nông, lâm nghiệp; khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa; khu vực ven sông chịu ảnh hưởng từ lũ quét. Các khu vực khuyến khích phát triển là những khu vực còn lại.

*d) Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện*

Tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh qua 04 hành lang kinh tế chiến lược nhằm liên kết trong các khu vực trong nội và ngoại Tỉnh, từ đó hướng đến Tỉnh Quảng Ngãi là một hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của Vùng, phát huy vị thế liên kết vùng cũng như giải quyết tốt mối quan hệ cộng sinh phát triển giữa các không gian kinh tế của Tỉnh cũng như với các Tỉnh lân cận.

Tổ chức sắp xếp 05 không gian vùng liên huyện, bố trí các công trình, dự án, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, đảm bảo kết nối các vùng huyện thông suốt, phù hợp với định hướng quy hoạch chung của tỉnh và hướng phát triển trọng tâm của vùng huyện. Nghiên cứu ban hành quy chế phối hợp quản lý các dự án thực hiện trong phạm vi không gian liên huyện, đảm bảo quản lý hiệu quả giữa các huyện.

*e) Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện.*

- Nguyên tắc sắp xếp 06 không gian phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi: Mỗi không gian được định vị để phát triển tích hợp, hiệp đồng các lĩnh vực quan trọng dựa trên các thế mạnh địa phương và không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Về phương án sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội:

+ Các công trình chính trị - hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng, v.v. cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã chủ yếu được bố trí tại các trung tâm thành phố, thị xã, huyện và trung tâm các xã, phường, thị trấn.

+ Các hoạt động sản xuất công nghiệp được sắp xếp ở các khu kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp của Tỉnh.

+ Các hoạt động thương mại - dịch vụ được phát triển dựa trên nhu cầu của thị trường và định hướng trong từng giai đoạn của từng địa phương và từng khu vực ở trong tỉnh.

+ Các hoạt động sản xuất nông nghiệp được sắp xếp thành những vùng chuyên canh, sản xuất tập trung tại: các khu vực miền núi phía Tây như Minh Long, và các vùng cao của huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ; các huyện vùng trung du đồng bằng, vùng ven hạ lưu các con sông, khu vực ven biển.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội đặc biệt cần lưu ý đến ưu tiên đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng các vùng biên giới trên biển, biển đảo; an ninh truyền thống như an ninh dân tộc, tôn giáo; an ninh phi truyền thống như phòng chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế gia tăng dân số nhanh, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh hiểm nghèo.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế cần xác định và phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và các hành lang đa dạng sinh học (xem chi tiết tại Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học).

- Về phân bổ nguồn lực:

+ Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước dành chủ yếu xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hạ tầng quan trọng, có tính chiến lược, làm nền tảng để thu hút các nguồn vốn khác từ các khu vực ngoài nhà nước.

+ Nguồn vốn thu hút đầu tư từ doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước: Từ các nhà đầu tư chiến lược, đầu tư vào các ngành công nghiệp đặc biệt là những dự án trọng điểm, và ngành dịch vụ logistics và du lịch. Đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, dịch vụ, phát triển các khu đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn.

+ Nguồn vốn thu hút từ các doanh nghiệp trong nước: Đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, dịch vụ, phát triển các khu đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn.

### **3.3. Phương án phát triển mạng lưới giao thông**

#### *a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia*

Các tuyến quốc lộ, cao tốc, đường sắt, hàng hải và hệ thống cảng biển: thực

hiện theo quy hoạch ngành quốc gia tại các Quyết định: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021; số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021; số 1769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu xây dựng 01 sân bay trên đảo Lý Sơn.

*b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh*

- Đường bộ: gồm 24 tuyến đường tỉnh và 01 tuyến đường ven biển. Các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Bến xe: quy hoạch mỗi huyện sẽ có tối thiểu 01 bến xe khách. Riêng các đô thị lớn như thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ v.v. quy hoạch thêm các bến xe hàng; bãi đỗ xe cá nhân nhằm tổ chức và điều tiết giao thông trong đô thị một cách hiệu quả tránh ùn tắc giao thông.

- Đầu tư các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ và cao tốc để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

- Đường thủy nội địa: Tiếp tục đầu tư các tuyến đường thủy theo định hướng quy hoạch của Tỉnh giai đoạn trước. Xây dựng cảng, bến thủy nội địa phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng trung tâm logistics tại Khu kinh tế Dung Quất là hạt nhân để phát triển các trung tâm logistics vệ tinh hình thành mạng lưới đồng bộ và liên hoàn.

### **3.4. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện**

Chiến lược phát triển năng lượng của tỉnh đến năm 2030, các nguồn năng lượng điện phát triển theo xu hướng ưu tiên thủy điện nhỏ, điện gió và năng lượng mặt trời; ưu tiên phát triển nguồn phục vụ phụ tải tiêu thụ điện trong địa bàn trước khi truyền tải đến các khu vực lân cận. Song song với việc phát triển điện gió, điện mặt trời, cũng cần xây dựng các nhà máy điện có khả năng điều chỉnh linh hoạt, các nguồn pin tích năng, thủy điện tích năng, v.v. để đảm bảo vận hành ổn định hệ thống điện khu vực.

### **3.5. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông**

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm, bao gồm thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. Hạ tầng mạng cáp viễn thông được ngầm hóa tại 100% các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường mới và 60-70% đối với các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường cũ.

- Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ



tục hành chính; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh phục vụ người dân và doanh nghiệp. Xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh, nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu đến 100% các cơ quan chính quyền các cấp; đồng thời, triển khai đồng bộ các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Phát triển mạnh kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, thương mại, công nghiệp, du lịch, giao thông, tài nguyên và môi trường. Trong đó, tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh. Triển khai đồng bộ nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản. Tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh như tỏi Lý Sơn, nếp ngự Sa Huỳnh, quế Trà Bồng v.v.

- Phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Đảm bảo đến năm 2030, mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code; trên 80% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản; 70% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân.

- Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

- Chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

### **3.6. Phương án quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và phương án quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**

Khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững toàn diện các lĩnh vực sản xuất khai thác, nuôi trồng, chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá theo hướng bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường. Phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hóa mạnh, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng trên vùng biển và hải đảo. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Khu bảo tồn biển Lý Sơn; thành lập mới Khu bảo tồn biển Gành Yến.

Cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực thực hiện các dịch vụ tại cảng cá, đáp ứng tốt nhu cầu hậu cần nghề cá, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa, xã hội, vệ sinh môi trường và xây dựng nông thôn mới. Kiện toàn hệ thống và nâng cao năng lực quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá từ trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý khai thác thủy sản tại cảng cá, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng, truy suất nguồn gốc thủy sản. Đến năm 2030, toàn tỉnh có 9 cảng cá và 7 khu neo đậu tránh trú bão.

### 3.7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

Phát triển thủy lợi đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, tái tạo nguồn nước bằng biện pháp công trình và phi công trình. Chú ý đến bảo vệ môi trường nước, đặc biệt môi trường nước trong hệ thống công trình thủy lợi. Quản lý, khai thác sử dụng và phát triển nguồn nước đảm bảo các yêu cầu trước mắt và không mâu thuẫn với nhu cầu phát triển trong tương lai.

### 3.8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Xây dựng các hệ thống thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thành phố, thị xã, thị trấn, các khu đô thị và khu dân cư tập trung. Các cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Các khu xử lý rác thải (sinh hoạt, công nghiệp, y tế, xây dựng) của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch gồm: Khu xử lý chất thải rắn tại xã Nghĩa Kỳ, Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt huyện Lý Sơn, Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức Phổ, Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất, Khu liên hợp xử lý chất thải EME Dung Quất và các bãi chôn lấp CTR trên địa bàn tỉnh.

### 3.9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

#### a) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng du lịch

- Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm:

+ Khu du lịch Mỹ Khê: Phát triển thành khu du lịch quốc gia, động lực gắn với thành phố Quảng Ngãi, ưu tiên phát triển du lịch biển, vui chơi giải trí, thể thao biển, lễ hội, công viên chuyên đề rừng dứa nước, v.v.

+ Khu du lịch đảo Lý Sơn: Phát triển thành khu du lịch quốc gia; trong đó Đảo Lớn ưu tiên phát triển du lịch sinh thái biển, các hoạt động vui chơi giải trí cao cấp và đặc sắc, phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp phía Bắc đảo lớn, phát triển các trung tâm dịch vụ hỗn hợp đa năng; Đảo Bé ưu tiên phát triển thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế.

+ Phát triển các khu du lịch cấp tỉnh: Khu du lịch biển Sa Huỳnh; Khu du lịch sinh thái hồ Núi Ngang; Khu du lịch sinh thái Thạch Bích; Khu du lịch Bình Châu; Khu du lịch sinh thái Núi Cà Đam.

+ Các điểm du lịch: Điểm du lịch sinh thái Suối Chí; Điểm du lịch thảo nguyên Bùi Hui; Điểm du lịch trải nghiệm văn hóa Hre; Điểm du lịch miệt vườn trái cây Bình Thành; Điểm du lịch Làng du lịch cộng đồng Gò Cỏ; Điểm du lịch cộng đồng cây Gạo.

+ Các điểm di tích lịch sử, văn hóa: Khu chứng tích Sơn Mỹ; Di tích chiến thắng Vạn Tường; Di tích Trường Lũy; Nhà lưu niệm Cụ Huỳnh Thúc Kháng; Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng; Cụm di tích Đặng Thuỳ Trâm; Cụm

Di tích khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi v.v.

+ Địa điểm có phong cảnh đẹp: rừng ngập mặn Bàu Cá Cái, danh thắng Ba Làng An - "Thập nhị cảnh" (12 cảnh đẹp), Thiên Ân Niêm Hà, Thiên Bút Phê Vân, Cổ Lũy Cô Thôn, Long Đầu Hỷ Thủy, Liên Trì Dục Nguyệt, Hà Nhai Văn Độ, Thạch Bích Tà Dương, An Hải Sa Bàn, Thạch Kỳ Diệu Tầu, La Hà Thạch Trạn, Vân Phong Túc Vũ, Vu Sơn Lộc Trường v.v.

+ Thúc đẩy du lịch thông minh: Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong ngành du lịch của tỉnh.

*b) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao*

- Tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nâng tầm các di sản tiêu biểu, có ý nghĩa lớn và di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số Hrê, Ca Dong và Cor gắn với phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Hình thành các làng văn hóa du lịch cộng đồng còn lưu giữ những giá trị văn hoá đặc sắc như dân tộc Hrê, Cor, Ca Dong v.v.

- Bảo tồn, gìn giữ, đặc biệt là phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, Lễ hội đua thuyền truyền thống Tứ Linh (huyện Lý Sơn), Lễ hội điện Trường Bà, Nghệ thuật công chiêng của dân tộc Cor (huyện Trà Bồng), Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người H'rê (huyện Ba Tơ), gắn với phát triển du lịch sinh thái, biển, đảo.

- Đầu tư kinh phí để sửa chữa, cải tạo, chống xuống cấp nhà trưng bày Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi và hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo cho việc bảo quản hiện vật, trưng bày, thu hút khách tham quan; nâng cấp Nhà trưng bày văn hóa Sa Huỳnh trở thành Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh tại thị xã Đức Phổ. Chính lý, nâng cấp nội dung và hình thức trưng bày; triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động bảo tàng để từng bước đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số, nền tảng số v.v.

- Mở rộng các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất thể dục thể thao các cấp: Nhà thi đấu đa năng; Khu liên hợp thể thao tỉnh tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi; Sân vận động tỉnh; các sân thể thao cấp huyện, cấp xã v.v.

*c) Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng giáo dục và đào tạo*

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp, bậc học. Trong đó, các trường THPT công lập, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 90%. Phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 39 trường THPT; số cơ sở giáo dục đại học là 4 đơn vị được quản trị theo hướng tự chủ đại học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp khoảng 25 đơn vị với 02 trường cao đẳng được phê duyệt trường nghề chất lượng cao và có 01 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; hệ thống mạng lưới giáo dục mầm non, tiểu học và THCS đầy đủ với quy mô trường, quy mô nhóm lớp...

*d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt KH&ĐT)*

+ Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH&CN & ĐMST để từng bước đưa KH&CN & ĐMST trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu tư phát triển đồng bộ cả nguồn nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn kinh phí phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ.

+ Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao theo hướng công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại vào sản xuất các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội như: công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; công nghệ vật liệu mới; công nghệ y dược, công nghệ chế tạo – tự động hóa; công nghệ biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ công nghiệp điện tử, tự động hóa và sản xuất, lắp ô tô dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo.

+ Đến năm 2030: Tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho nghiên cứu và công tác triển khai ứng dụng tăng dần từng năm và đạt 0,5-1% GRDP; xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 12 người trên 1 vạn dân; xây dựng, triển khai thực hiện từ 110-120 nhiệm vụ KH&CN để chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống; tổ chức đào tạo cho 700 kỹ thuật viên cơ sở; hỗ trợ từ 30-40 dự án từ chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ; hỗ trợ 40-50 lượt doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm thành tựu về KH&CN; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt 35-40%; Phân đầu có 350 đối tượng sở hữu trí tuệ được hỗ trợ đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ độc quyền....

+ Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh có 01 tổ chức khoa học và công nghệ công lập chuyển sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần (Trung tâm giống tinh) và 02 tổ chức khoa học và công nghệ công lập giữ ổn định về mặt tổ chức với mức độ tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Trung tâm CNTT và truyền thông và Trung tâm ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

#### *e) An sinh xã hội*

Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Công tác xã hội đảm bảo năng lực cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh, thành lập mới Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo mô hình Nhật Bản, đạt tiêu chuẩn dành cho người cao tuổi.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi. Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng: Xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi – Cơ sở 2 với diện tích khoảng 3,5 ha tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, với quy mô phục vụ khoảng 80 giường điều dưỡng.

#### *f) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Hoàn thiện hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh tỉnh Quảng Ngãi theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả và phát triển. Đến năm 2030, hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gồm 09 bệnh viện

và 01 trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, 13 trung tâm y tế cấp huyện. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch có liên quan. Đảm bảo cung ứng các hóa chất, sản phẩm y sinh học, vắc xin phòng bệnh có chất lượng phục vụ cho phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### **3.10. Đảm bảo quốc phòng – an ninh**

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **4. Phát triển không gian lãnh thổ**

**4.1. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực**

### *a) Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực*

Các khu vực có vai trò động lực của tỉnh là các khu vực có mức độ đô thị hóa cao, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng GRDP của tỉnh, và có tác động lan tỏa sản xuất ra vùng ngoại vi và các địa phương khác trong tỉnh (thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, khu đô thị Vạn Tường Huyện Bình Sơn và thị xã Đức Phổ). Hoạt động kinh tế chính là công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí, đóng tàu, chế biến, du lịch, thương mại, logistics, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và nông nghiệp công nghệ cao.

### *b) Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn*

Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn: Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất; đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, chăm sóc sức khỏe, đời sống cho người dân ở những khu vực này.

## **4.2. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp**

### *a) Khu kinh tế Dung Quất*

Đến năm 2050, KKT Dung Quất là một trong những đô thị biển; trung tâm phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng. Với tính chất là khu kinh tế ven biển, chuyên biệt, xanh, thông minh và phát triển bền vững; khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp. Trong đó, trọng tâm là công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: luyện cán thép, đóng tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu; là khu vực phát triển đô thị; trung tâm năng lượng Dung Quất, bao gồm nhà máy lọc dầu mở rộng theo hướng hóa dầu, nhà máy điện khí và kho xăng dầu/LPG; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung; một trong các đầu mối giao thông vận tải, trao đổi hàng

hóa và giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên và có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.

*b) Khu công nghiệp*

Quy hoạch mạng lưới các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2030: gồm 06 KCN<sup>11</sup> nằm trong KKT Dung Quất và 04 KCN<sup>12</sup> nằm ngoài KKT Dung Quất.

*c) Cụm công nghiệp*

Quy hoạch mạng lưới các cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2030: di dời 3 cụm công nghiệp, duy trì và mở rộng 21 cụm công nghiệp và đề nghị bổ sung 15 cụm công nghiệp.

**4.3. Phương án tổ chức hệ thống đô thị**

Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 50%. Tỉnh Quảng Ngãi có 1 đô thị loại I là thành phố Quảng Ngãi; Bình Sơn và Đức Phổ đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III; Lý Sơn đạt đô thị loại IV; 05 đô thị Di Lăng (mở rộng), Trà Xuân (mở rộng), Ba Tư (mở rộng), La Hà - Sông Vệ, Mộ Đức đạt một số tiêu chí đô thị loại IV; 16 đô thị loại V và 02 đô thị đạt một số tiêu chí đô thị loại V.

Lộ trình phát triển hệ thống đô thị tỉnh Quảng Ngãi trong mỗi giai đoạn sẽ được định hướng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với những thay đổi trong tổ chức không gian vùng lãnh thổ trên địa bàn tỉnh.

**4.4. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phân bổ hệ thống các điểm dân cư nông thôn**

*a) Định hướng phát triển khu vực nông thôn*

Chú trọng phát triển đa dạng các loại hình kinh tế nông thôn, nhất là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du nhập ngành nghề mới. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách về đất đai nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, có quy mô phù hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với nhu cầu của thị trường.

Xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ trọng điểm nhằm nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm có thế mạnh chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối nông thôn - đô thị, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn. Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội đảm bảo đồng bộ, kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chủ động, tích cực thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn; thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; xây dựng mới, củng cố, duy trì và

<sup>11</sup> KCN Tây Dung Quất (520 ha), KCN Đông Dung Quất (2.210 ha), KCN - ĐT - DV Dung Quất II (1.085 ha), KCN Bình Hòa - Bình Phước (915 ha), KCN Tịnh Phong (795 ha), KCN - ĐT - DV Bình Thanh (2.500 ha).

<sup>12</sup> KCN Quảng Phú (92,147 ha), KCN Phổ Phong (143,7 ha), KCN đa ngành Bình Long (341,89 ha), KCN đô thị và dịch vụ An Phú (393,53 ha).

nhân rộng mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự.

*b) Phân bố phát triển không gian dân cư nông thôn*

Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa của tỉnh và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cấp mô hình làng, xã, bản, tạo thuận lợi trong sản xuất và có tính lâu dài, tránh các vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng thường xảy ra lũ quét.

**4.5. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện**

Với định hướng phân chia lãnh thổ theo các trục động lực, các trọng điểm và tính đến đặc trưng về liên kết vùng, tổ chức không gian tỉnh Quảng Ngãi bao gồm 05 vùng liên huyện, đảm bảo phát huy khả năng liên kết giữa các huyện trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững; cũng như khả năng liên kết giữa các huyện và các khu đô thị, KKT động lực, gồm:

- Vùng A: vùng liên huyện thương mại – dịch vụ, trung tâm thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận. Bao gồm Thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Tịnh (xã Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Bình, Tịnh Minh, Tịnh Hà), huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành (TT. Chợ Chùa, xã Hành Thuận, xã Hành Dũng, xã Hành Nhân, xã Hành Minh, xã Hành Đức, xã Hành Phước, xã Hành Trung).

- Vùng B: vùng liên huyện, hành lang kinh tế phía bắc; trọng điểm công nghiệp, dịch vụ hậu cần, du lịch. Bao gồm huyện Bình Sơn, huyện Sơn Tịnh (xã Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Thọ, Tịnh Phong), huyện Trà Bồng (xã Trà Thanh, Sơn Trà, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Giang, Trà Phú, Trà Bình và TT. Trà Xuân).

- Vùng C: vùng liên huyện kinh tế sinh thái biển phía Nam. Bao gồm Thị xã Đức Phổ, huyện Mộ Đức, huyện Ba Tơ (xã Ba Liên, Ba Thành, Ba Khâm, Ba Động, Ba Cung, Ba Trang, thị trấn Ba Tơ).

- Vùng D: vùng liên huyện miền núi phía tây - kinh tế rừng xanh. Bao gồm các huyện Trà Bồng (xã Trà Xinh, Trà Phong, Hương Trà, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Phong), huyện Sơn Tây, huyện Sơn Hà, Huyện Minh Long, Huyện Nghĩa Hành (trừ TT. Chợ Chùa và Xã Hành Thuận), huyện Ba Tơ (trừ xã Ba Liên, Ba Thành, Ba Khâm, Ba Động, Ba Cung, Ba Trang, thị trấn Ba Tơ).

- Vùng E: đảo Lý Sơn - “ngọc lớn - ngọc bé” của Biển Đông. Bao gồm toàn bộ huyện đảo Lý Sơn.

**4.6. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai**

- Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Đến năm 2030, diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi là 515.524,81 ha, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 444.478,00 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 69.950,00 ha; đất chưa sử dụng khoảng 1.096,81 ha.

+ Thực hiện thu hồi khoảng 19.503,40 ha, trong đó khoảng 13.118,64 ha

đất nông nghiệp và khoảng 6.384,77 ha đất phi nông nghiệp.

+ Chuyển mục đích sử dụng khoảng 13.118,64 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

+ Đưa khoảng 2.467,81 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 912,87 ha, đất phi nông nghiệp khoảng 1.554,94 ha.

- So với chỉ tiêu phân bổ của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022, khi cập nhật các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030 thì nhu cầu sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030 cao hơn ở một số chỉ tiêu như: đất khu công nghiệp, đất đô thị,..

**5. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn**

### **5.1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học**

#### *a) Phương án phân vùng môi trường*

- Các vùng cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

+ Nội thị thành phố Quảng Ngãi, đô thị Bình Sơn, Đức Phổ, Lý Sơn,

+ Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định (nước mặt các sông: Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu, nước mặt hồ Liệt Sơn, hồ Di Lăng, hồ thượng Sông Vệ, khu vực đập Thạch Nham, hồ chứa Thượng Sông Vệ, hồ chứa nước Núi Ngang, hồ chứa nước Thới Lới (Lý Sơn), kênh Thạch Nham B7).

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích khoảng 620ha của Khu bảo tồn biển Lý Sơn; vùng lõi Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn; vùng lõi Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tư; vùng lõi Khu bảo tồn, sinh cảnh Cà Đam; vùng lõi 22.096,1ha Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi và 177 di tích (trong đó: 01 di tích quốc gia đặc biệt, 32 di tích quốc gia, 144 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh).

- Vùng hạn chế phát thải:

+ Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn gồm: Khu bảo tồn biển Lý Sơn; Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn; Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tư; Khu bảo tồn, sinh cảnh Cà Đam; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi.

+ Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: ven bờ các đập, ven bờ các hồ chứa, các con suối, các khu rừng sản xuất: Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu, nước mặt hồ Liệt Sơn, hồ Di Lăng, hồ Thượng Sông Vệ, khu vực đập Thạch Nham, hồ chứa thượng sông Vệ, hồ chứa nước Núi Ngang, hồ chứa nước Thới Lới (Lý Sơn), kênh Thạch Nham B7.

+ Các khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V.

+ Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường: tiểu khu khai thác khoáng sản thông thường (8 dự án khai thác cát, 33 dự án khai thác đá, 26 dự án khai thác đất); các khu vực bố trí cơ sở xử lý chất thải; khu vực biển có nguy cơ về ô



nhiệm và sự cố môi trường.

- Vùng bảo vệ khác: Bao gồm tất cả các vùng còn lại trên địa bàn toàn tỉnh: Khu kinh tế Dung Quất; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (ngoài Khu kinh tế Dung Quất); khu dân cư nông thôn; các tiểu khu sản xuất nông nghiệp; các khu làng nghề.

*b) Phương án bảo bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*

- Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây Ba Tơ: nằm bên trái trên trục Quốc lộ 24, theo hướng Quảng Ngãi - Kon Tum, nối liền Tây Nguyên với vùng duyên hải miền Trung, Diện tích được quy hoạch là 17.976,66 ha (trong đó diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính và vùng đệm).

- Khu bảo tồn, sinh cảnh Cà Đam: vùng núi Cà Đam và các vùng phụ cận, diện tích Khu bảo tồn sinh cảnh Cà Đam khoảng 2.325,30 ha.

- Khu bảo tồn biển Lý Sơn: Khu bảo tồn biển Lý Sơn bao gồm một phần diện tích trên đảo và vùng biển xung quanh đảo; tổng diện tích khu bảo tồn là 7.925ha, trong đó diện tích mặt nước biển là 7.113ha. Gồm các phân khu: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích khoảng 620ha; phân khu phục hồi sinh thái có diện tích khoảng 2.024ha, trong đó diện tích khu vực phục hồi san hô khoảng 1.649 ha, diện tích phục hồi rong và cỏ biển có diện tích khoảng 375ha; phân khu phát triển có diện tích khoảng 4.469 ha.

- Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi: diện tích dự kiến khoảng 537.620,6ha (trong đó diện tích vùng lõi 22.096,1ha, diện tích vùng đệm 33.392,8ha, diện tích vùng chuyển tiếp 483.128,7ha).

- 04 hành lang đa dạng sinh học: hành lang Sơn Tây - Tây Trà; hành lang Tư Nghĩa, Sơn Hà, Minh Long; hành lang Ba Tơ - Sơn Hà; hành lang Minh Long - Ba Tơ giúp kết nối các khu bảo tồn trong tỉnh, các hệ sinh thái quan trọng.

- Khu vực cảnh quan các sinh thái quan trọng: Đầm nước mặn An Khê thuộc địa phận phường Phổ Thạnh (TX. Đức Phổ) có tổng diện tích khoảng hơn 150 ha; đầm nước lợ Lâm Bình thuộc địa phận TX. Đức Phổ có tổng diện tích khoảng 170 ha; hệ sinh thái rừng ngập mặn hiện có 182,47 ha đất có RNM phân bố ở hai huyện Bình Sơn (173,34 ha) và Sơn Tịnh (9,13 ha).

*c) Quan trắc môi trường đất, nước, không khí*

Quy hoạch và duy trì 31 điểm quan trắc nước mặt, 05 điểm quan trắc nước mặt tự động; 51 điểm quan trắc nước dưới đất (vùng đô thị 11 vị trí; vùng tác động bởi bãi rác, nghĩa trang (14 vị trí); vùng nông nghiệp - nông thôn 07 vị trí; vùng du lịch 04 vị trí; vùng công nghiệp - làng nghề 12 vị trí; vùng nuôi trồng thủy sản 03 vị trí); 22 điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ; 57 điểm quan trắc không khí xung quanh và tiếng ồn, 02 điểm quan trắc không khí tự động, 24 điểm quan trắc chất lượng đất và 4 quan trắc môi trường trầm tích.

*d) Bảo vệ rừng và phát triển rừng*

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch 3 loại rừng. Phát triển rừng phòng hộ,

cảnh quan; lâm nghiệp đô thị, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Củng cố và bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, nâng cấp thành rừng đặc dụng, nhằm bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử, văn hoá và cảnh quan; tập trung xây dựng và củng cố các khu rừng phòng hộ môi trường đô thị, khu công nghiệp; đẩy mạnh trồng cây phân tán, cải tạo cảnh quan môi trường. Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, góp phần phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng.

*e) Sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ*

- Sắp xếp, phân bố nghĩa trang:

+ Xây dựng nghĩa trang tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu. Di dời các nghĩa trang khi không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục.

+ Nghĩa trang cấp vùng tỉnh: xây dựng mới 4 nghĩa trang cấp vùng tỉnh, phục vụ liên huyện, liên đô thị gồm: nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi; nghĩa trang Phương Hoàng (Khu kinh tế Dung Quất) và nghĩa trang công viên Sơn Viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn.

+ Nghĩa trang cấp vùng huyện: xây dựng 8 nghĩa trang tập cấp vùng huyện.

+ Nghĩa trang tập trung cấp huyện: Đến năm 2030 xây dựng 30 nghĩa trang với tổng diện tích khoảng 13,8 ha, phục vụ tại mỗi đô thị và cụm xã nông thôn.

- Quy hoạch các nhà tang lễ: gắn liền với cơ sở nghĩa trang trên địa bàn thành phố, thị xã, các huyện nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu của người dân địa phương. Cải tạo các nhà tang lễ hiện có, xây dựng thêm 06 nhà tang lễ tại các đô thị vùng huyện.

- Xây dựng các nhà hỏa táng: tại nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng tại Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa; tại nghĩa trang Phương Hoàng; tại nghĩa trang núi Vòng Sỏi, huyện Lý Sơn;

- Xây dựng các cơ sở hỏa táng: tại công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông; tại công viên nghĩa trang Bình Hiệp; tại TX Đức Phổ; tại thị trấn Di Lăng.

## **5.2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên**

*a) Khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản*

Khoanh định 371 khu vực bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản, trong đó: 340 khu vực mỏ vật liệu xây dựng và 31 khu vực mỏ khoáng sản kim loại, khoáng chất, than bùn và khoáng sản khác.

*b) Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản nhưng chưa khai thác, cấm khai thác, cần bảo vệ với từng loại khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch*

Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; khu

vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

### 5.3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh gồm 06 vùng: Thượng Trà Bồng; Thượng Trà Khúc (địa phận được tính từ kênh chính Nam Thạch); Thượng sông Vệ; Trà Câu; Hạ Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ; huyện đảo Lý Sơn.

- Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong kỳ quy hoạch được sắp xếp từ cao đến thấp cụ thể như sau: sinh hoạt; công nghiệp; du lịch, dịch vụ; nông nghiệp; thủy sản; chăn nuôi.

- Nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt, sản xuất: gồm 02 nguồn nước: nguồn nước dưới đất (thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, thị trấn Trà Xuân, thị trấn Mộ Đức, đô thị Thạch Trụ v.v.) và nguồn nước mặt (thị xã Đức Phổ, thị trấn Di Lăng, KKT Dung Quất v.v.). Trong thời kỳ quy hoạch, hệ thống cấp nước sinh hoạt chủ yếu lấy từ các nguồn nước mặt trên lưu vực các sông suối là chính, hạn chế tối đa khai thác nguồn nước dưới đất, tránh làm suy giảm cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

- Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 02 trạm quan trắc tài nguyên nước mặt: trạm Sơn Giang (xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà) và trạm Trà Khúc (huyện Sơn Tịnh) và 09 trạm với 14 giếng quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

- Danh mục các công trình điều tiết khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch đề xuất nâng cấp, cải tạo 12 công trình và xây dựng mới khoảng 5 công trình.

- Mạng lưới quan trắc môi trường nước mặt của quốc gia: Hệ thống sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi bố trí 17 điểm quan trắc môi trường nước mặt định kỳ<sup>13</sup>.

- Đến năm 2030 mạng lưới quan trắc môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh có 31 vị trí (gồm sông Trà Khúc (06 vị trí); Sông Trà Bồng (05 vị trí); Sông Vệ (05 vị trí); Sông Trà Câu (03 vị trí); Sông Bàn Giang (03 vị trí); Sông Thoa (03 vị trí); Suối Bàn Thuyền (02 vị trí); Kênh Bàn Lăng (01 vị trí); Kênh Chìm (01 vị trí); Hồ Nước Trong (01 vị trí) và Đầm An Khê (01 vị trí)); Mạng lưới quan trắc môi trường nước dưới đất gồm 51 vị trí (gồm Vùng đô thị (11 vị trí); Vùng tác động bởi bãi rác, nghĩa trang (14 vị trí); Vùng nông nghiệp - nông thôn (07 vị trí); Vùng du lịch (04 vị trí); Vùng công nghiệp - Làng nghề (12 vị trí); Vùng nuôi trồng thủy sản (03 vị trí)).

- Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, xây dựng hoàn thiện,

<sup>13</sup> Phụ lục III kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ

nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai cho các lưu vực sông thuộc tỉnh; bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống lũ, lụt cho hạ lưu phù hợp với phương án phòng, chống lũ, lụt của lưu vực sông; rà soát các công trình hồ chứa nước, đập dâng đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, cống ngăn mặn, giữ ngọt, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng, chống xâm nhập mặn và nước biển dâng; rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

#### **5.4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

##### *a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn*

- Vùng chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng trong bão: các huyện bị ảnh hưởng trực tiếp: Bình Sơn, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi (trong đó tập trung tại 22 xã ven biển). Các huyện bị ảnh hưởng gián tiếp: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng.

- Vùng lũ quét, sạt lở đất: các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét và sạt lở đất bao gồm các huyện miền núi: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng; các huyện đồng bằng, bao gồm: Đức Phú (Mộ Đức); Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Nhơn, Phổ Hòa, Phổ Châu (thị xã Đức Phổ); Bình An, Bình Khương (huyện Bình Sơn); Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn (huyện Tư Nghĩa).

- Vùng xói lở bờ sông, bờ biển: Bình Chương, Bình Dương, Bình Minh, Bình Châu, Bình Hải; Tịnh Kỳ, nghĩa An; Đức Lợi, Đức Hiệp; Nghĩa Kỳ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Phương, thị trấn Sông Vệ; Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Minh, Phổ Thuận, Phổ Phong, Phổ Thạnh, Phổ Châu; Tịnh Hà, Tịnh Sơn; Hành Tín Đông; Long Sơn; Di Lăng; Sơn Dung; Trà Tân, Trà Xuân, Trà Phú, Trà Thủy, Trà Xinh, Trà Phong, Trà Bình; huyện đảo Lý Sơn.

- Vùng ngập úng: vùng đồng bằng ven biển hàng năm xảy ra tình trạng ngập úng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, điển hình là vùng ngập úng Sông Thoá. Ngoài ra còn có các vùng ngập úng cục bộ khác như vùng hạ lưu sông Trà Bồng, vùng phía Đông huyện Sơn Tịnh, vùng hạ lưu sông Trà Khúc, vùng tiêu vào sông Vệ.

##### *b) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu*

- Phòng ngừa là chính kết hợp với phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và “3 sẵn sàng” (chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả).

- Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Chuyển đổi các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro trong nông nghiệp.

- Thường xuyên thực hiện củng cố, tu sửa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai. Củng cố, phát triển thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới; nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng. Phát triển hạ

tăng thù lợi chủ động tưới, tiêu theo hướng tiên tiến, tiết kiệm nước

- Xây dựng hoàn thiện dần các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (sạt lở bờ sông, mức độ ngập lụt, khu vực lũ quét, khu vực hạn hán, nguy cơ bão v.v.).

*c) Phương án phòng, chống chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai*

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có đê thuộc 04 hệ thống sông, gồm: sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu.

- Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng chống lũ. Ưu tiên xây dựng tuyến đê khép kín các tuyến sông chính. Nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các tuyến sông. Nạo vét, mở rộng, khơi thông các trục tiêu chính. Nghiên cứu các giải pháp chỉnh trị, đưa vào khai thác các bãi sông, bãi nổi hạ lưu sông Trà Khúc phục vụ phát triển kinh tế trên cơ sở đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất thiết kế đã được quy định, đảm bảo môi trường và các quy định của pháp luật.

## **6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**

### **6.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

- Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2021-2030 khoảng 410 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn cho giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 150 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 260 nghìn tỷ đồng. Dự kiến vốn từ NSNN trong giai đoạn 2021 - 2025 là khoảng 37 - 38 nghìn tỷ đồng và 2026 - 2030 là khoảng 60 - 65 nghìn tỷ đồng (với giả định vốn đầu tư từ NSNN tăng bình quân 10%/năm). Dự kiến vốn từ ngoài nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 là khoảng 120 nghìn tỷ đồng và 2026 - 2030 là khoảng 200 nghìn tỷ đồng.

- Về nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

+ Xem xét kiến nghị với Trung ương về xây dựng cơ chế, chính sách huy động từ nguồn thu hợp lý để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển tỉnh.

+ Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Trong cơ cấu chi NSNN, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo tỷ lệ hợp lý và sự gắn kết chặt chẽ giữa hai khoản chi này nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xác định rõ các khoản chi trọng điểm, thứ tự ưu tiên các khoản chi, loại bỏ các khoản chi bất hợp lý.

- Về nguồn vốn từ ngoài ngân sách nhà nước:

+ Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư.

+ Chú trọng vào chất lượng nhà đầu tư và dự án đầu tư, tránh sự manh mún, chẻ nhỏ quỹ đất, đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

+ Xác định rõ trọng tâm đầu tư, đặc biệt chú trọng thu hút các dự án đầu tư

các ngành mà tỉnh có lợi thế so sánh và phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và xu thế phát triển chung trong tương lai.

## **6.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề liên tục cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hoá chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường. Phát triển mối liên kết giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu.

- Khuyến khích lao động tham gia học nghề, xây dựng chiến dịch truyền thông để loại bỏ các định kiến về việc học nghề.

- Kết nối thông tin thị trường lao động, hình thành và phát triển sàn giao dịch việc làm.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế thu hút nguồn lao động từ ngoại tỉnh hoặc con em Quảng Ngãi làm ăn xa quê về làm việc tại Quảng Ngãi.

## **6.3. Giải pháp về bảo vệ môi trường**

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và bám sát thực tế các vấn đề về môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng phí bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các KCN, CCN và làng nghề. Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường.

## **6.4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử, giải quyết các thủ tục hành chính công trực tuyến, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh v.v. Cải thiện các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), và chỉ số Chuyển đổi số (DTI) v.v.

- Nâng dần tổng vốn toàn xã hội đầu cho cho nghiên cứu và công tác triển khai ứng dụng, phấn đấu đạt 0,5-1% GRDP. Đẩy mạnh xã hội hoá và đầu tư theo cơ chế phối hợp đối tác công - tư trong xây dựng hệ thống các tổ chức và phát triển đội ngũ KH&CN.

- Phát triển KH&CN có trọng tâm, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế.

## **6.5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

- Phối hợp với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng

phụ cận để khai thác các tiềm năng của từng địa phương, đẩy nhanh tiến độ phát triển kinh tế-xã hội như tăng cường kết nối với Khu kinh tế mở Chu Lai dựa trên các kết nối về hạ tầng giao thông sẵn có; liên kết phát triển vận tải, logistics với Kon Tum, Quảng Nam; khai thác các tuyến/tour du lịch kết nối với các điểm du lịch trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các tỉnh lân cận.

- Tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Vận dụng và triển khai hiệu quả các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết. Thiết lập các đối tác chiến lược với các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa trên quan hệ thương mại và hợp tác phát triển, đầu tư, cung ứng các sản phẩm có chất lượng và yếu tố kỹ thuật cao.

#### **6.6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc. Kiểm tra và đảm bảo các hoạt động đầu tư, xây dựng, công trình kiến trúc trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, phù hợp với đặc điểm kiến trúc đô thị, nông thôn.

- Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất trong thời kỳ 2021-2030, đặc biệt là lộ trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất đô thị, đảm bảo quỹ đất nông nghiệp, quỹ đất rừng và tương ứng với cơ cấu quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị.

- Gắn liền quá trình đô thị hoá, phát triển các khu đô thị - dịch vụ với công nghiệp hoá để tăng sức lan toả của KCN, CCN. Với định hướng phát triển KKT Dung Quất trở thành đô thị biển vào năm 2050, tiếp tục triển khai một số công trình hạ tầng trong KKT để thu hút đầu tư, đồng bộ hạ tầng dịch vụ, thương mại và cảnh quan trong đô thị.

- Thực hiện đúng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất, CCN, KCN gây ô nhiễm, hoạt động không hiệu quả ra khỏi các đô thị. Xây dựng lộ trình phù hợp để mở rộng ranh giới đô thị, nâng hạng đô thị đối với các khu nông thôn giáp với ranh giới đô thị.

#### **6.7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước**

- Công khai thông tin tuyển dụng lao động cho các vị trí trong cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống tuyển chọn đánh giá đúng năng lực của người tham gia tuyển dụng. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao vào lực lượng cán bộ, công chức quản lý Nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý, kỹ năng và tác phong đội ngũ cán bộ. Tổ chức tập huấn sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức các cấp.

#### **6.8. Giải pháp khác**

- Đảm bảo nội dung quy hoạch phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch, đảm bảo mối liên kết giữa quy hoạch chi tiết và

quy hoạch tổng thể và phù hợp với quy hoạch vùng.

- Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện hành động, xây dựng chính sách, đánh giá và huy động nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch có hiệu quả. Tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ 5 năm, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch. Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy hoạch thông qua hệ thống các chỉ tiêu, gắn liền với phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện.

Về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch: Đã bám sát hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021 và các văn bản có liên quan.

### **III. VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC QUY HOẠCH TỈNH**

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn 5943/BTNMT-TCMT ngày 06/10/2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh và gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh. Sau khi có báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch theo quy định.

*(chi tiết có hồ sơ kèm theo)*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để làm cơ sở triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHthuc428.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**



Số: ...../NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2022

**Dự thảo**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số ...../BC-HĐTD ngày.../.../2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số . /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách của Ban kinh tế- ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

## **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Phạm vi ranh giới quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên là 5.155,24 km<sup>2</sup> và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, có toạ độ địa lý từ 14°31'50" đến 15°25'30" vĩ độ Bắc, từ 108°14'05" đến 109°05'00" kinh độ Đông (đồng bộ xuyên suốt TMTH). Tỉnh Quảng Ngãi có giới hạn địa lý như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp tỉnh Bình Định; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp biển Đông.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

### **1. Quan điểm phát triển**

(1) Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025.

(2) Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động, tận dụng triệt để các tiềm năng và nguồn lực để tạo động lực cho sự phát triển. Trong ngắn hạn, phát triển nhanh dựa trên cơ sở tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực đang có sẵn lợi thế; trong trung hạn và dài hạn, phân bổ tối đa nguồn lực hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững.

(3) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng vào năng suất kinh tế thay vì năng suất sản phẩm. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, qua đó tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làm động lực phát triển.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường hình thành các mối liên kết trong phát triển với các địa phương khác trong vùng và các khu vực lân cận, chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập quốc tế.

(5) Tiếp tục đầu tư tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, có khả năng lan toả lợi ích lớn và phục vụ đa mục tiêu phát triển.

(6) Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp và con người là trung tâm và động lực chính của sự phát triển. Theo đó, không ngừng nâng cao chất lượng hành chính công, nghiên cứu ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để tạo môi trường phát triển kinh tế lành mạnh, thuận lợi cho doanh nghiệp, qua đó tạo điều kiện thu hút đầu tư. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng tiên quyết cho sự phát triển bền vững, lâu dài; góp phần quan trọng trong việc nâng cao và đảm bảo chất lượng lao động cho nhu cầu phát triển.

(7) Khơi dậy tiềm năng để tạo đột phá trong phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch. Phát triển du lịch phải tạo nét đặc sắc riêng so với các tỉnh khác trong vùng, theo hướng bền vững và trải nghiệm cao cấp thay vì phát triển ồ ạt.

(8) Phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của mọi tầng lớp xã hội.

(9) Phát triển hài hoà ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường; không đánh đổi sự phát triển trước mắt với rủi ro về môi trường; chủ động trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

(10) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, ứng phó với các tác động tiêu cực từ tình hình an ninh trật tự trên thế giới và khu vực.

## **2. Mục tiêu phát triển**

### ***a) Mục tiêu tổng quát***

Mục tiêu đến 2030, Quảng Ngãi là một tỉnh công nghiệp với hai ngành công nghiệp chủ lực là lọc hóa dầu và luyện kim thép. Các loại hình công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao dần hình thành tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Tỉnh từng bước xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là lĩnh vực du lịch. Các mô hình về nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dần được nhân rộng. Tỷ lệ đô thị hóa được nâng cao với cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh dần được hoàn thiện. Công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tiếp tục được chú trọng và đạt được các chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn.

Hướng tới 2050, Quảng Ngãi là một tỉnh phát triển bền vững và đa dạng với các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tập trung tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung; các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại và đặc sắc chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; các loại hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trở thành mũi nhọn của lĩnh vực nông nghiệp; hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với nhu cầu phát triển; hệ thống đô thị thông minh, hiện đại và hệ thống nông thôn phát triển đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; hệ

thông mạng lưới phát triển khoa học như các trung tâm nghiên cứu và phát triển (đặc biệt là về các lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao v.v.), trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, các cộng đồng nghiên cứu khoa học dần được hình thành trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, con người Quảng Ngãi, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, an sinh xã hội. Đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### **b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

#### *\*Về kinh tế:*

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025; 7,5 - 8,5%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 7,25 - 8,25%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030). Trong đó:

+ Tốc độ tăng trưởng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt 4,0 - 5,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025; 5%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 4 - 5%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030).

+ Tốc độ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp bình quân đạt 8,0 - 9,0%/năm; giai đoạn 2021 - 2025; 8,5 - 9,5%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 8,25 - 9,25%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030).

+ Tốc độ tăng trưởng của khu vực Dịch vụ bình quân đạt 8,0 - 9,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025, 11,0 - 12,0%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 10,0 - 11,0%/năm cả giai đoạn 2021 - 2030).

(2) Tỷ trọng của khu vực Công nghiệp và Dịch vụ trong cơ cấu GRDP đến năm 2025 đạt 69 - 70%; đến 2030 đạt 72 - 73%.

(3) Năng suất lao động tăng trưởng bình quân 6,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2021 - 2025; 7,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2026 - 2030 (bình quân 6,5 - 7,5% cả giai đoạn 2021 - 2030).

(4) GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trong khoảng 4.200 - 4.400 USD; đến năm 2030 đạt trong khoảng 7.700 - 7.900 USD.

(5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 150.000 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 260.000 tỷ đồng (410.000 tỷ đồng cho cả giai đoạn 2021 - 2030).

#### *\* Về xã hội:*

(6) Chỉ số phát triển con người HDI đạt mức trung bình của cả nước vào năm 2025 và duy trì thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP tới năm 2030.

(7) Đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 50%; Tiểu học: 88,0%; Trung học cơ sở: 88,0%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 32,0%; Trung học phổ thông: 71,0%. Đến năm 2030, tỷ lệ trường đạt chuẩn

quốc gia ít nhất là: Mầm non: 80,0%; Tiểu học: 89,0%; Trung học cơ sở: 90,1%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 38,5%; Trung học phổ thông: 78,9%.

(8) Đến năm 2025, đạt 32 giường bệnh và 8 bác sỹ; đến năm 2030 tiếp tục duy trì trên 32 giường bệnh/vạn dân; phân đầu đạt trên 11 bác sỹ/vạn dân, trên 3 được sỹ/vạn dân. Đến năm 2025, ý lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%, duy trì đến năm 2030;

(9) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 1-1,5%/năm.

(10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt trên 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 90%; đến năm 2030 đạt trên 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 95%.

(11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh phân đầu đến năm 2030 đạt khoảng 33 m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó: Tại khu vực đô thị đạt 37,0 m<sup>2</sup> sàn/người và tại khu vực nông thôn đạt 29,0 m<sup>2</sup> sàn/người.

*\* Về bảo vệ môi trường*

(12) Nâng cấp tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, tới 2025 khu vực thành thị là 95% và nông thôn trên 75%; tới 2030 với khu vực thành thị 100% và nông thôn trên 80%.

(13) Đến 2025, ít nhất 90% chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý; đến 2030 là 100%.

(14) Đến 2025, ít nhất 92% các khu, 60% các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường. Đến 2030, 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường. Đối với đô thị: Tỷ lệ xử lý nước thải đến năm 2025 đạt 30% đối với đô thị loại II, 10% đối với các đô thị còn lại; đến năm 2030 đạt 50% đối với đô thị loại II và 20% đối với cá đô thị còn lại. Đối với khu vực nông thôn: Đến năm 2030 phân đầu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

(15) Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định từ 52% trở lên, hướng đến mục tiêu đạt chứng nhận tín chỉ cacbon đạt tiêu chuẩn quốc tế để có thể bán ra thị trường thế giới, trong tương lai đây là một nguồn thu có nhiều tiềm năng lớn.

*\* Về không gian và kết cấu hạ tầng*

(16) Tỷ lệ đô thị hóa ngang với bình quân của cả nước (trên 50% theo định hướng toàn vùng đến năm 2030).

(17) Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển

*\* Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*

(18) Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó: có 65 - 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện. Hàng năm, có ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh trật tự”.

### **3. Các đột phá phát triển của tỉnh**

(1) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

(2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách hành chính. Nghiên cứu, ban hành hoặc đề xuất các cơ chế, chính sách tạo điều kiện phát triển các vùng động lực, các lĩnh vực tiềm năng, các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động vv..;

(3) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn lực thu được từ công nghiệp hỗ trợ phát triển các lĩnh vực phù hợp hơn với xu thế phát triển của tương lai;

(4) Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, tạo động lực cho phát triển. Ưu tiên các công trình trọng điểm về giao thông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số;

(5) Áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên.

## **III. PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh**

#### *a) Ngành công nghiệp*

Trong giai đoạn 2021 – 2030, các ngành công nghiệp nền tảng (lọc dầu, luyện kim thép v.v.) sẽ là động lực chính dẫn dắt sự phát triển kinh tế của tỉnh; dần hình thành các khu vực sản xuất điện quy mô lớn với các nguồn năng lượng xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các chuỗi sản xuất, chế biến sâu nông sản. Hướng tới 2050, dầu mỏ và luyện kim thép duy trì sản xuất với quy mô ổn định, giảm dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp phát thải lớn, quy mô ngành sản xuất điện (điện gió, điện mặt trời, điện khí, điện sinh khối) đủ lớn để giúp Quảng Ngãi trở thành một trong những trung tâm công nghiệp công nghệ cao và trung tâm năng lượng sạch, năng lượng tái tạo của vùng Duyên hải miền Trung, chế biến sâu nông sản trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của Quảng Ngãi.

Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, phát triển theo hướng hiện đại hóa, công nghệ cao, thân thiện với môi trường và mở rộng theo chuỗi giá trị dựa trên cơ sở các điều kiện và lợi thế của các ngành công nghiệp ưu tiên đang có. Đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành một trong những trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.

### *b) Ngành Nông nghiệp*

Hướng tới 2030, các lĩnh vực NLTS chủ lực của Quảng Ngãi là: trồng trọt (lúa, rau củ quả), chăn nuôi (trâu bò, heo, gia cầm); đánh bắt thủy sản; trồng cây rừng lâu năm (các sản phẩm về gỗ, tín chỉ Carbon). Hướng tới năm 2050, nền nông nghiệp Quảng Ngãi là nền nông nghiệp hiện đại với nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn là chủ đạo với quy mô sản xuất mang tính công nghiệp, rộng lớn.

### *c) Ngành thương mại – dịch vụ*

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch chất lượng cao, trong đó, tập trung phát triển các loại hình du lịch (biển, biển đảo, rừng, nghỉ dưỡng v.v.) mang tính khác biệt so với các tỉnh lân cận theo hướng xanh, bền vững, cao cấp gắn với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh, ngày càng nâng cao giá trị đóng góp vào tổng giá trị sản phẩm của Tỉnh; hệ thống Logistics, vận tải, kho bãi được hình thành và vận hành hiệu quả; tỷ lệ số hoá trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ nội địa được nâng cao bằng mức bình quân của cả nước. Hướng tới năm 2050, Quảng Ngãi trở thành một thương hiệu du lịch cao cấp, điểm đến du lịch mang tầm quốc tế với các loại hình du lịch đa dạng. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển hệ thống logistics, vận tải, kho bãi v.v.

Nghiên cứu tận dụng điểm mạnh về khả năng liên kết giao thông, hệ thống cảng biển của tỉnh đề xuất Chính phủ đồng ý cho Quảng Ngãi xây dựng khu phi thuế quan.

### *d) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác khác*

Hỗ trợ hình thành hoặc tiếp tục duy trì phát triển với quy mô hợp lý các ngành sau để giải quyết việc làm cho lao động phổ thông và hỗ trợ phát triển các ngành chủ lực và các ngành khác: Công nghiệp sửa chữa và đóng tàu; Chế biến đồ uống; Dệt may - da giày; Điện tử, công nghiệp công nghệ cao; Công nghiệp môi trường; Các ngành công nghiệp hỗ trợ (hỗ trợ ngành lọc hoá dầu; hỗ trợ ngành luyện kim, cơ khí chế tạo, đóng tàu; hỗ trợ dệt may, da giày...)

Quảng Ngãi còn có tiềm năng phát triển một số loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao khác để tăng sự đa dạng trong cơ cấu sản phẩm; tạo vùng nguyên liệu đầu vào cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi khác và chế biến thực phẩm chủ lực; phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương như : trồng bắp (ngô), trồng sắn (mì), tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng, chè Minh Long, nuôi dê, nuôi ong, nuôi yến..., nuôi trồng thủy sản.

Ngoài các lĩnh vực chủ lực, quan trọng của Thương mại - dịch vụ, nhóm ngành về Bưu chính viễn thông; Tài chính - ngân hàng cũng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo và hỗ trợ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi, cần luôn được duy trì phát triển, nâng cấp cho phù hợp với nhu cầu của các giai đoạn.

## **2. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội**

**a) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, vùng bảo tồn**

- Về trung tâm hành chính: Trung tâm chính trị - hành chính bao gồm các cơ quan Đảng, chính quyền Tỉnh Quảng Ngãi được đặt tại trung tâm thành phố Quảng Ngãi. Các trung tâm hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố được đặt tại các thị trấn huyện lỵ, trung tâm thị xã và trung tâm thành phố.

- Về trung tâm công nghiệp: Các hoạt động sản xuất và phát triển công nghiệp được tập trung chủ yếu tại các khu công nghiệp (KCN) thuộc Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp khác như: KCN Quảng Phú và KCN Phổ Phong. Ngoài các khu công nghiệp quy mô lớn, các hoạt động phát triển công nghiệp cũng được phát triển với quy mô hợp lý tại các cụm công nghiệp trên địa bàn các địa phương của tỉnh. Tùy tình hình phát triển kinh tế xã hội và định hướng quy hoạch cấp trên (quốc gia, vùng...) mà Quảng Ngãi có thể đề xuất bổ sung các Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp mới phù hợp với tình hình thực tế.

- Về khu vực sản xuất nông nghiệp:

+ Vùng núi cao: phạm vi của các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long và Sơn Tây. Hình thành vùng trồng dược liệu, trồng chè, trồng rừng cây gỗ lớn, phát triển rừng trồng sản xuất, cây lâm sản ngoài gỗ. Phát triển chăn nuôi trâu thịt, các loại vật nuôi đặc sản bản địa, đẩy mạnh nuôi thủy sản trên các lòng hồ thủy lợi, thủy điện.

+ Vùng đồi thấp (trung du): phạm vi các huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh và các xã phía Tây huyện Tư Nghĩa, huyện Bình Sơn, huyện Mộ Đức. Phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng trồng cây ăn quả, hình thành các vùng trồng cỏ phục vụ chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò v.v. Phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị.

+ Vùng đồng bằng: phạm vi các huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, các xã phía Đông huyện Bình Sơn, huyện Tư Nghĩa. Phát triển các vùng lúa hàng hóa chất lượng cao, hữu cơ, canh tác tự nhiên, lúa ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra phát triển các vùng trồng rau sạch, các loại rau, đậu, hoa v.v.

+ Vùng ven biển và trên biển: phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

+ Vùng hải đảo: phạm vi huyện đảo Lý Sơn. Phát triển nông nghiệp có trọng tâm, tập trung vào duy trì ổn định một sản lượng hợp lý đối với các đặc sản địa phương (hành, tỏi...). Dần dần mở rộng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, hướng tới sản xuất các sản phẩm đặc sản địa phương chất lượng cao và phục vụ chủ yếu các nhóm đối tượng khách hàng cao cấp.

- Về trung tâm dịch vụ logistics, các trung tâm thương mại dịch vụ: Phát triển mạng lưới logistics với 02 trung tâm trọng điểm của tỉnh đặt tại KKT Dung Quất và thị xã Đức Phổ. Ngoài ra, phát triển các trung tâm đầu mối trung chuyển hàng hóa gắn liền với dịch vụ hậu cần khai thác và chế biến lâm sản quy mô hợp



lý tại khu vực thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà) và khu vực Ba Vì – Ba Tiêu (huyện Ba Tơ). Phát triển mạng lưới chợ hạng 1 tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố (đô thị loại IV trở lên).

- Về phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí: Phát triển các dự án tổ hợp đô thị dịch vụ du lịch khách sạn cao cấp được quy hoạch mới tại Bình Châu (huyện Bình Sơn), đảo Lớn và đảo Bé (huyện Lý Sơn), biển Mỹ Khê (thành phố Quảng Ngãi) và các bãi biển khác dọc theo tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh, không gian văn hóa Sa Huỳnh và Đầm An Khê, và các dự án du lịch sinh thái núi Ca Đam, Khu bảo tồn Kon Chư Răng, Khu du lịch sinh thái Thác Trắng - Đập Đồng Cầm, Hồ Nước Trong, suối nước nóng Thạch Bích v.v.

- Về phân bố không gian phát triển dịch vụ xã hội và bảo vệ, bảo tồn di tích văn hóa lịch sử: Duy trì mạng lưới phân bố không gian các cơ sở dịch vụ xã hội hiện có. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ phù hợp với từng khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và liên kết vùng. Mở rộng phát triển mạng lưới các cơ sở dịch vụ xã hội ngoài công lập, đặc biệt là dịch vụ chuyển giao ứng dụng công nghệ, dịch vụ đào tạo, y tế chất lượng cao.

***b) Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng***

- Về hạ tầng giao thông: Nâng cấp và hoàn thiện kết nối hệ thống đường tỉnh với hệ thống đường quốc lộ theo trục dọc và trục ngang, cùng mạng lưới đường huyện, xã tạo thành mạng liên hoàn nối với mạng quốc gia, nối liền các khu vực đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, các cửa khẩu, phục vụ cho các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện của tỉnh. Xây dựng, phát triển mạng lưới đường sắt quốc gia qua địa bàn tỉnh. Phát triển các cảng biển, khu bến theo quy hoạch. Chủ động liên kết với tỉnh Quảng Nam để sử dụng hiệu quả, hợp lý cảng hàng không Chu Lai. Ngoài ra, đề xuất hình thành 01 sân bay trên đảo Lý Sơn với quy mô và công năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Về hạ tầng truyền tải điện: Kết nối với lưới điện quốc gia qua các trạm biến áp 500kV Dốc Sỏi (Trạm 500kV Dốc Sỏi sẽ được tăng cường công suất lên thành 1200MVA), điện áp 500/220/22 kV và các trạm biến áp nâng áp 22/110 kV. Hệ thống lưới điện 220kV và 110kV, lưới điện trung áp và hạ áp của tỉnh truyền điện từ các trạm biến áp được nâng cấp và xây dựng mới về các khu vực thành phố, thị xã, khu vực nông thôn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Về hạ tầng thông tin: Kết nối, liên thông hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin ở Trung ương qua hệ thống kết nối NGSP, phục vụ xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu kết nối với mạng thông tin hành chính điện tử, tích hợp với Trung tâm tích hợp dữ liệu quốc gia.

- Về hạ tầng xã hội:

+ Đẩy mạnh tiến hành liên kết, hợp tác với các trường đại học quốc gia trong vùng và tại các thành phố lớn trong việc đào tạo lực lượng lao động. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy từ xa, thúc đẩy liên kết với các trường đại học quốc gia trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Liên kết, hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương trên cả nước trong công tác khám, chữa bệnh và chuyển giao kỹ thuật. Triển khai hệ thống thông tin ngành y tế tỉnh, hệ thống thống kê y tế điện tử và hồ sơ sức khỏe điện tử để cung cấp thông tin và kết nối với Trung tâm dữ liệu y tế quốc gia.

+ Phát triển Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, Trung tâm Giống tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

+ Liên kết với các tỉnh trong khu vực hình thành các loại hình dịch vụ trải nghiệm văn hóa miền Trung. Nhân rộng số lượng các điểm tham quan di tích thành điểm tham quan du lịch theo hướng bền vững. Lựa chọn xây dựng các di sản tiêu biểu của tỉnh để giới thiệu du khách phàm phá trên tuyến kết nối Con đường di sản miền Trung.

+ Thực hiện đẩy mạnh xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và nhu cầu của từng địa phương theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hoá qua địa bàn, hỗ trợ xuất khẩu và phục vụ các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

***c) Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển***

Về không gian phát triển tỉnh Quảng Ngãi, được làm rõ qua cấu trúc 6 không gian kinh tế động lực, trong đó, mỗi không gian được định vị các lĩnh vực quan trọng có thể trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của khu vực trong tương lai. Cấu trúc này đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa vùng duyên hải và vùng trung du miền núi hay hải đảo về mặt kinh tế. Về các khu vực hạn chế phát triển đô thị: bao gồm các khu vực bảo tồn thiên nhiên; các hành lang đa dạng sinh học; các khu vực nông, lâm nghiệp; khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa; khu vực ven sông chịu ảnh hưởng từ lũ quét. Các khu vực khuyến khích phát triển là những khu vực còn lại.

***d) Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện***

Tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh qua 04 hành lang kinh tế chiến lược nhằm liên kết trong các khu vực trong nội và ngoại Tỉnh, từ đó hướng đến Tỉnh Quảng Ngãi là một hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của Vùng, phát huy vị thế liên kết vùng cũng như giải quyết tốt mối quan hệ cộng sinh phát triển giữa các không gian kinh tế của Tỉnh cũng như với các Tỉnh lân cận.

Tổ chức sắp xếp 05 không gian vùng liên huyện, bố trí các công trình, dự án, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, đảm bảo kết nối các vùng huyện thông suốt,

phù hợp với định hướng quy hoạch chung của tỉnh và hướng phát triển trọng tâm của vùng huyện. Nghiên cứu ban hành quy chế phối hợp quản lý các dự án thực hiện trong phạm vi không gian liên huyện, đảm bảo quản lý hiệu quả giữa các huyện.

***e) Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện.***

- Nguyên tắc sắp xếp 06 không gian phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi: mỗi không gian được định vị để phát triển tích hợp, hiệp đồng các lĩnh vực quan trọng dựa trên các thế mạnh địa phương và không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Về phương án sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội:

+ Các công trình chính trị - hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng, v.v. cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã chủ yếu được bố trí tại các trung tâm thành phố, thị xã, huyện và trung tâm các xã, phường, thị trấn.

+ Các hoạt động sản xuất công nghiệp được sắp xếp ở các khu kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp của Tỉnh.

+ Các hoạt động thương mại - dịch vụ được phát triển dựa trên nhu cầu của thị trường và định hướng trong từng giai đoạn của từng địa phương và từng khu vực ở trong tỉnh.

+ Các hoạt động sản xuất nông nghiệp được sắp xếp thành những vùng chuyên canh, sản xuất tập trung tại: các khu vực miền núi phía Tây như Minh Long, và các vùng cao của huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ; các huyện vùng trung du đồng bằng, vùng ven hạ lưu các con sông, khu vực ven biển.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội đặc biệt cần lưu ý đến ưu tiên đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng các vùng biên giới trên biển, biển đảo; an ninh truyền thống như an ninh dân tộc, tôn giáo; an ninh phi truyền thống như phòng chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế gia tăng dân số nhanh, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh hiểm nghèo.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế cần xác định và phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và các hành lang đa dạng sinh học (xem chi tiết tại Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học).

- Về phân bổ nguồn lực:

+ Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước dành chủ yếu xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hạ tầng quan trọng, có tính chiến lược, làm nền tảng để thu hút các nguồn vốn khác từ các khu vực ngoài nhà nước.

+ Nguồn vốn thu hút đầu tư từ doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước: Từ các nhà đầu tư chiến lược, đầu tư vào các ngành công nghiệp đặc biệt là những dự án trọng điểm, và ngành dịch vụ logistics và du lịch. Đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, dịch vụ, phát triển các khu đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn.

+ Nguồn vốn thu hút từ các doanh nghiệp trong nước: Đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, dịch vụ, phát triển các khu đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn.

### **3. Phương án phát triển mạng lưới giao thông**

#### **a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia**

Các tuyến quốc lộ, cao tốc, đường sắt, hàng hải và hệ thống cảng biển: thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia tại các Quyết định: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021; số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021; số 1769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu xây dựng 01 sân bay trên đảo Lý Sơn.

#### **b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh**

- Đường bộ: gồm 24 tuyến đường tỉnh và 01 tuyến đường ven biển. Các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Bến xe: quy hoạch mỗi huyện sẽ có tối thiểu 01 bến xe khách. Riêng các đô thị lớn như thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ v.v. quy hoạch thêm các bến xe hàng; bãi đỗ xe cá nhân nhằm tổ chức và điều tiết giao thông trong đô thị một cách hiệu quả tránh ùn tắc giao thông.

- Đầu tư các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ và cao tốc để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

- Đường thủy nội địa: tiếp tục đầu tư các tuyến đường thủy theo định hướng quy hoạch của Tỉnh giai đoạn trước. Xây dựng cảng, bến thủy nội địa phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng trung tâm logistics tại Khu kinh tế Dung Quất là hạt nhân để phát triển các trung tâm logistics vệ tinh hình thành mạng lưới đồng bộ và liên hoàn.

### **4. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện**

Chiến lược phát triển năng lượng của tỉnh đến năm 2030, các nguồn năng lượng điện phát triển theo xu hướng ưu tiên thủy điện nhỏ, điện gió và năng lượng mặt trời; Ưu tiên phát triển nguồn phục vụ phụ tải tiêu thụ điện trong địa bàn trước khi truyền tải đến các khu vực lân cận. Song song với việc phát triển điện gió, điện mặt trời, cũng cần xây dựng các nhà máy điện có khả năng điều

chính linh hoạt, các nguồn pin tích năng, thủy điện tích năng, v.v. để đảm bảo vận hành ổn định hệ thống điện khu vực.

### **5. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông**

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm, bao gồm thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. Hạ tầng mạng cáp viễn thông được ngầm hóa tại 100% các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường mới và 60-70% đối với các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường cũ.

- Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh phục vụ người dân và doanh nghiệp. Xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh, nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu đến 100% các cơ quan chính quyền các cấp; đồng thời, triển khai đồng bộ các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Phát triển mạnh kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, thương mại, công nghiệp, du lịch, giao thông, tài nguyên và môi trường. Trong đó, tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh. Triển khai đồng bộ nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản. Tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh như tỏi Lý Sơn, nếp ngự Sa Huỳnh, quế Trà Bồng v.v.

- Phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Đảm bảo đến năm 2030, mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code; trên 80% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản; 70% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân.

- Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

- Chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

## **6. Phương án quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và phương án quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**

Khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững toàn diện các lĩnh vực sản xuất khai thác, nuôi trồng, chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá theo hướng bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường. Phân đấu trở thành ngành sản xuất hàng hóa mạnh, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng trên vùng biển và hải đảo. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Khu bảo tồn biển Lý Sơn; thành lập mới Khu bảo tồn biển Gành Yến.

Cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực thực hiện các dịch vụ tại cảng cá, đáp ứng tốt nhu cầu hậu cần nghề cá, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa, xã hội, vệ sinh môi trường và xây dựng nông thôn mới. Kiện toàn hệ thống và nâng cao năng lực quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá từ trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý khai thác thủy sản tại cảng cá, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng, truy suất nguồn gốc thủy sản. Đến năm 2030, toàn tỉnh có 9 cảng cá và 7 khu neo đậu tránh trú bão.

## **7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước**

Phát triển thủy lợi đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, tái tạo nguồn nước bằng biện pháp công trình và phi công trình. Chú ý đến bảo vệ môi trường nước, đặc biệt môi trường nước trong hệ thống công trình thủy lợi. Quản lý, khai thác sử dụng và phát triển nguồn nước đảm bảo các yêu cầu trước mắt và không mâu thuẫn với nhu cầu phát triển trong tương lai.

## **8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải**

Xây dựng các hệ thống thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thành phố, thị xã, thị trấn, các khu đô thị và khu dân cư tập trung. Các cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Các khu xử lý rác thải (sinh hoạt, công nghiệp, y tế, xây dựng) của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch gồm: Khu xử lý chất thải rắn tại xã Nghĩa Kỳ, Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt huyện Lý Sơn, Khu liên hợp chất thải rắn huyện Đức Phổ, Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất, Khu liên hợp xử lý chất thải EME Dung Quất và các bãi chôn lấp CTR trên địa bàn tỉnh.

## **9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội**

### **a) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng du lịch**

- Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm:

+ Khu du lịch Mỹ Khê: phát triển thành khu du lịch quốc gia, động lực gắn với thành phố Quảng Ngãi, ưu tiên phát triển du lịch biển, vui chơi giải trí, thể thao biển, lễ hội, công viên chuyên đề rừng dừa nước, v.v.

+ Khu du lịch đảo Lý Sơn: phát triển thành khu du lịch quốc gia; trong đó Đảo Lớn ưu tiên phát triển du lịch sinh thái biển, các hoạt động vui chơi giải trí cao cấp và đặc sắc, phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp phía Bắc đảo lớn, phát triển các trung tâm dịch vụ hỗn hợp đa năng; Đảo Bé ưu tiên phát triển thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế.

+ Phát triển các khu du lịch cấp tỉnh: Khu du lịch biển Sa Huỳnh; Khu du lịch sinh thái hồ Núi Ngang; Khu du lịch sinh thái Thạch Bích; Khu du lịch Bình Châu; Khu du lịch sinh thái Núi Cà Đam.

+ Các điểm du lịch: Điểm du lịch sinh thái Suối Chí; Điểm du lịch thảo nguyên Bùi Hui; Điểm du lịch trải nghiệm văn hóa Hre; Điểm du lịch miệt vườn trái cây Bình Thành; Điểm du lịch Làng du lịch cộng đồng Gò Cỏ; Điểm du lịch cộng đồng cây Gạo.

+ Các điểm di tích lịch sử, văn hóa: Khu chứng tích Sơn Mỹ; Di tích chiến thắng Vạn Tường; Di tích Trường Lũy; Nhà lưu niệm Cụ Huỳnh Thúc Kháng; Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng; Cụm di tích Đặng Thuỳ Trâm; Cụm Di tích khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi v.v.

+ Địa điểm có phong cảnh đẹp: rừng ngập mặn Bàu Cá Cái, danh thắng Ba Làng An - "Thập nhị cảnh" (12 cảnh đẹp), Thiên Ân Niêm Hà, Thiên Bút Phê Vân, Cỏ Lũy Cô Thôn, Long Đầu Hý Thủy, Liên Trì Dục Nguyệt, Hà Nhai Văn Độ, Thạch Bích Tà Dương, An Hải Sa Bàn, Thạch Kỳ Điều Tầu, La Hà Thạch Trạn, Vân Phong Túc Vũ, Vu Sơn Lộc Trường v.v.

+ Thúc đẩy du lịch thông minh: từng bước thực hiện chuyển đổi số trong ngành du lịch của tỉnh.

### ***b) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao***

- Tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nâng tầm các di sản tiêu biểu, có ý nghĩa lớn và di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số Hre, Ca Dong và Cor gắn với phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Hình thành các làng văn hóa du lịch cộng đồng còn lưu giữ những giá trị văn hoá đặc sắc như dân tộc Hre, Cor, Ca Dong v.v.

- Bảo tồn, gìn giữ, đặc biệt là phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, Lễ hội đua thuyền truyền thống Tứ Linh (huyện Lý Sơn), Lễ hội điện Trường Bà, Nghệ thuật công chiêng của dân tộc Cor (huyện Trà Bồng),

Nghề dệt thô cầm truyền thống của người H'rê (huyện Ba Tơ), gắn với phát triển du lịch sinh thái, biển, đảo.

- Đầu tư kinh phí để sửa chữa, cải tạo, chống xuống cấp nhà trưng bày Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi và hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo cho việc bảo quản hiện vật, trưng bày, thu hút khách tham quan; nâng cấp Nhà trưng bày văn hóa Sa Huỳnh trở thành Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh tại thị xã Đức Phổ. Chính lý, nâng cấp nội dung và hình thức trưng bày; triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động bảo tàng để từng bước đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số, nền tảng số v.v.

- Mở rộng các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất thể dục thể thao các cấp: Nhà thi đấu đa năng; Khu liên hợp thể thao tỉnh tại xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi; Sân vận động tỉnh; các sân thể thao cấp huyện, cấp xã v.v.

### ***c) Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng giáo dục và đào tạo***

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp, bậc học. Trong đó, các trường THPT công lập, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 90%. Phấn đấu đến 2030, toàn tỉnh có 39 trường THPT; số cơ sở giáo dục đại học là 4 đơn vị được quản trị theo hướng tự chủ đại học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp khoảng 25 đơn vị với 02 trường cao đẳng được phê duyệt trường nghề chất lượng cao và có 01 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; hệ thống mạng lưới giáo dục mầm non, tiểu học và THCS đầy đủ với quy mô trường, quy mô nhóm lớp...

### ***d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt KH&CN&ĐMST)***

+ Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH&CN & ĐMST để từng bước đưa KH&CN & ĐMST trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu tư phát triển đồng bộ cả nguồn nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn kinh phí phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ.

+ Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao theo hướng công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại vào sản xuất các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội như: công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; công nghệ vật liệu mới; công nghệ y dược, công nghệ chế tạo – tự động hóa; công nghệ biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ công nghiệp điện tử, tự động hóa và sản xuất, lắp ô tô dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo.

+ Đến năm 2030: Tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho nghiên cứu và công tác triển khai ứng dụng tăng dần từng năm và đạt 0,5-1% GRDP; xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 12 người trên 1 vạn dân; xây dựng, triển khai thực hiện từ 110-120 nhiệm vụ KH&CN để chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống; tổ chức đào tạo cho 700 kỹ thuật viên cơ sở; hỗ trợ từ 30-40 dự án từ chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ; hỗ trợ



40-50 lượt doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm thành tựu về KH&CN; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt 35-40%; Phấn đấu có 350 đối tượng sở hữu trí tuệ được hỗ trợ đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ độc quyền....

+ Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh có 01 tổ chức khoa học và công nghệ công lập chuyển sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần (Trung tâm giống tỉnh) và 02 tổ chức khoa học và công nghệ công lập giữ ổn định về mặt tổ chức với mức độ tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Trung tâm CNTT và truyền thông và Trung tâm ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

#### *e) An sinh xã hội*

Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Công tác xã hội đảm bảo năng lực cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh, thành lập mới Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo mô hình Nhật Bản, đạt tiêu chuẩn dành cho người cao tuổi.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi. Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng: Xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi – Cơ sở 2 với diện tích khoảng 3,5 ha tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, với quy mô phục vụ khoảng 80 giường điều dưỡng.

#### *f) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Hoàn thiện hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh tỉnh Quảng Ngãi theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả và phát triển. Đến năm 2030, hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gồm 09 bệnh viện và 01 trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, 13 trung tâm y tế cấp huyện. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch có liên quan. Đảm bảo cung ứng các hóa chất, sản phẩm y sinh học, vắc xin phòng bệnh có chất lượng phục vụ cho phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### **10. Đảm bảo quốc phòng – an ninh**

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **IV. PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ**

**1. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực**

### *a) Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực*

Các khu vực có vai trò động lực của tỉnh là các khu vực có mức độ đô thị hóa cao, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng GRDP của tỉnh, và có tác động lan tỏa sản xuất ra vùng ngoại vi và các địa phương khác trong tỉnh (thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, khu đô thị Vạn Tường Huyện Bình Sơn và thị xã Đức Phổ). Hoạt động kinh tế chính là công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí, đóng tàu, chế biến, du lịch, thương mại, logistics, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và nông nghiệp công nghệ cao.

### ***b) Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn***

Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn: giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Ngãi có 3 xã khó khăn, 52 xã đặc biệt khó khăn và 241 thôn đặc biệt khó khăn, do đó vấn đề đặt ra cần đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất; đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, chăm sóc sức khỏe, đời sống cho người dân ở những khu vực này.

## **2. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp**

### ***a) Khu kinh tế Dung Quất***

Đến năm 2050, KKT Dung Quất là một trong những đô thị biển; trung tâm phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng. Với tính chất là khu kinh tế ven biển, chuyên biệt, xanh, thông minh và phát triển bền vững; khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp. Trong đó, trọng tâm là công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo: luyện cán thép, đóng tàu biển và các ngành công nghiệp khác gắn với việc khai thác cảng nước sâu; là khu vực phát triển đô thị; trung tâm năng lượng Dung Quất, bao gồm nhà máy lọc dầu mở rộng theo hướng hóa dầu, nhà máy điện khí và kho xăng dầu/LPG; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung; một trong các đầu mối giao thông vận tải, trao đổi hàng hóa và giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên và có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.

### ***b) Khu công nghiệp***

Quy hoạch mạng lưới các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2030: gồm 06 KCN<sup>1</sup> nằm trong KKT Dung Quất và 04 KCN<sup>2</sup> nằm ngoài KKT Dung Quất.

### ***c) Cụm công nghiệp***

<sup>1</sup> KCN Tây Dung Quất (520 ha), KCN Đông Dung Quất (2.210 ha), KCN - ĐT - DV Dung Quất II (1.085 ha), KCN Bình Hòa - Bình Phước (915 ha), KCN Tịnh Phong (795 ha), KCN - ĐT - DV Bình Thanh (2.500 ha).

<sup>2</sup> KCN Quảng Phú (92,147 ha), KCN Phổ Phong (143,7 ha), KCN đa ngành Bình Long (341,89 ha), KCN đô thị và dịch vụ An Phú (393,53 ha).

Quy hoạch mạng lưới các cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2030: di dời 3 cụm công nghiệp, duy trì và mở rộng 21 cụm công nghiệp và đề nghị bổ sung 15 cụm công nghiệp.

### **3. Phương án tổ chức hệ thống đô thị**

Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 50%. Tỉnh Quảng Ngãi có 1 đô thị loại I là thành phố Quảng Ngãi; Bình Sơn và Đức Phổ đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III; Lý Sơn đạt đô thị loại IV; 05 đô thị Di Lăng (mở rộng), Trà Xuân (mở rộng), Ba Tư (mở rộng), La Hà - Sông Vệ, Mộ Đức đạt một số tiêu chí đô thị loại IV; 16 đô thị loại V và 02 đô thị đạt một số tiêu chí đô thị loại V.

Lộ trình phát triển hệ thống đô thị tỉnh Quảng Ngãi trong mỗi giai đoạn sẽ được định hướng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với những thay đổi trong tổ chức không gian vùng lãnh thổ trên địa bàn tỉnh.

**4. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn**

#### ***a) Định hướng phát triển khu vực nông thôn***

Chú trọng phát triển đa dạng các loại hình kinh tế nông thôn, nhất là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du nhập ngành nghề mới. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách về đất đai nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, có quy mô phù hợp theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với nhu cầu của thị trường.

Xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ trọng điểm nhằm nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm có thế mạnh chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối nông thôn - đô thị, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn. Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội đảm bảo đồng bộ, kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chủ động, tích cực thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn; thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; xây dựng mới, củng cố, duy trì và nhân rộng mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự.

#### ***b) Phân bố phát triển không gian dân cư nông thôn***

Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa của tỉnh và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cấp mô hình làng, xã, bản, tạo thuận lợi trong sản xuất và có tính lâu dài, tránh các vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng thường xảy ra lũ quét.

### **5. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện**

Với định hướng phân chia lãnh thổ theo các trục động lực, các trọng điểm và tính đến đặc trưng về liên kết vùng, tổ chức không gian tỉnh Quảng Ngãi bao gồm 05 vùng liên huyện, đảm bảo phát huy khả năng liên kết giữa các huyện trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững; cũng như khả năng liên kết giữa các huyện và các khu đô thị, KKT động lực, gồm:

- Vùng A: vùng liên huyện thương mại - dịch vụ, trung tâm thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận. Bao gồm Thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Tịnh (xã Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Bình, Tịnh Minh, Tịnh Hà), huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành (TT. Chợ Chùa, xã Hành Thuận, xã Hành Dũng, xã Hành Nhân, xã Hành Minh, xã Hành Đức, xã Hành Phước, xã Hành Trung).

- Vùng B: vùng liên huyện, hành lang kinh tế phía bắc; trọng điểm công nghiệp, dịch vụ hậu cần, du lịch. Bao gồm huyện Bình Sơn, huyện Sơn Tịnh (xã Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Thọ, Tịnh Phong), huyện Trà Bồng (xã Trà Thanh, Sơn Trà, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Thủy, Trà Sơn, Trà Giang, Trà Phú, Trà Bình và TT. Trà Xuân).

- Vùng C: vùng liên huyện kinh tế sinh thái biển phía Nam. Bao gồm Thị xã Đức Phổ, huyện Mộ Đức, huyện Ba Tơ (xã Ba Liên, Ba Thành, Ba Khâm, Ba Động, Ba Cung, Ba Trang, thị trấn Ba Tơ).

- Vùng D: vùng liên huyện miền núi phía tây - kinh tế rừng xanh. Bao gồm các huyện Trà Bồng (xã Trà Xinh, Trà Phong, Hương Trà, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Phong), huyện Sơn Tây, huyện Sơn Hà, Huyện Minh Long, Huyện Nghĩa Hành (trừ TT. Chợ Chùa và Xã Hành Thuận), huyện Ba Tơ (trừ xã Ba Liên, Ba Thành, Ba Khâm, Ba Động, Ba Cung, Ba Trang, thị trấn Ba Tơ).

- Vùng E: đảo Lý Sơn - “ngọc lớn - ngọc bé” của Biển Đông. Bao gồm toàn bộ huyện đảo Lý Sơn.

## **6. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai**

- Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Đến năm 2030, diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi là 515.524,81 ha, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 444.478,00 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 69.950,00 ha; đất chưa sử dụng khoảng 1.096,81 ha.

+ Thực hiện thu hồi khoảng 19.503,40 ha, trong đó khoảng 13.118,64 ha đất nông nghiệp và khoảng 6.384,77 ha đất phi nông nghiệp.

+ Chuyển mục đích sử dụng khoảng 13.118,64 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

+ Đưa khoảng 2.467,81 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 912,87 ha, đất phi nông nghiệp khoảng 1.554,94 ha.

- So với chỉ tiêu phân bổ của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022, khi cập nhật các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030 thì nhu cầu sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030 cao hơn ở một số chỉ tiêu như: đất khu công nghiệp, đất đô thị,...

## **V. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học**

#### **a) Phương án phân vùng môi trường**

- Các vùng cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

+ Nội thị thành phố Quảng Ngãi, đô thị Bình Sơn, Đức Phổ, Lý Sơn,

+ Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định (nước mặt các sông: Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu, nước mặt hồ Liệt Sơn, hồ Di Lăng, hồ thượng Sông Vệ, khu vực đập Thạch Nham, hồ chứa Thượng Sông Vệ, hồ chứa nước Núi Ngang, hồ chứa nước Thới Lới (Lý Sơn), kênh Thạch Nham B7).

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích khoảng 620ha của Khu bảo tồn biển Lý Sơn; vùng lõi Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn; vùng lõi Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; vùng lõi Khu bảo tồn, sinh cảnh Cà Đam; vùng lõi 22.096,1ha Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi và 177 di tích (trong đó: 01 di tích quốc gia đặc biệt, 32 di tích quốc gia, 144 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh).

- Vùng hạn chế phát thải:

+ Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn gồm: Khu bảo tồn biển Lý Sơn; Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn; Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; Khu bảo tồn, sinh cảnh Cà Đam; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi;

+ Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: ven bờ các đập, ven bờ các hồ chứa, các con suối, các khu rừng sản xuất: Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu, nước mặt hồ Liệt Sơn, hồ Di Lăng, hồ Thượng Sông Vệ, khu vực đập Thạch Nham, hồ chứa thượng sông Vệ, hồ chứa nước Núi Ngang, hồ chứa nước Thới Lới (Lý Sơn), kênh Thạch Nham B7.

+ Các khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V.

+ Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường: tiểu khu khai thác khoáng sản thông thường (8 dự án khai thác cát, 33 dự án khai thác đá, 26 dự án khai thác đất); các khu vực bố trí cơ sở xử lý chất thải; khu vực biển có nguy cơ về ô nhiễm và sự cố môi trường.

- Vùng bảo vệ khác: Bao gồm tất cả các vùng còn lại trên địa bàn toàn tỉnh: Khu kinh tế Dung Quất; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (ngoài Khu kinh tế Dung Quất); khu dân cư nông thôn; các tiểu khu sản xuất nông nghiệp; các khu làng nghề.

**b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

- Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây Ba Tơ: nằm bên trái trên trục Quốc lộ 24, theo hướng Quảng Ngãi - Kon Tum, nối liền Tây Nguyên với vùng duyên hải miền Trung, Diện tích được quy hoạch là 17.976,66 ha (trong đó diện tích phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính và vùng đệm).

- Khu bảo tồn, sinh cảnh Cà Đam: vùng núi Cà Đam và các vùng phụ cận, diện tích Khu bảo tồn sinh cảnh Cà Đam khoảng 2.325,30 ha.

- Khu bảo tồn biển Lý Sơn: Khu bảo tồn biển Lý Sơn bao gồm một phần diện tích trên đảo và vùng biển xung quanh đảo; tổng diện tích khu bảo tồn là 7.925ha, trong đó diện tích mặt nước biển là 7.113ha. Gồm các phân khu: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích khoảng 620ha; phân khu phục hồi sinh thái có diện tích khoảng 2.024ha, trong đó diện tích khu vực phục hồi san hô khoảng 1.649 ha, diện tích phục hồi rong và cỏ biển có diện tích khoảng 375ha; phân khu phát triển có diện tích khoảng 4.469 ha.

- Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi: diện tích dự kiến khoảng 537.620,6ha (trong đó diện tích vùng lõi 22.096,1ha, diện tích vùng đệm 33.392,8ha, diện tích vùng chuyển tiếp 483.128,7ha).

- 04 hành lang đa dạng sinh học: hành lang Sơn Tây - Tây Trà; hành lang Tư Nghĩa, Sơn Hà, Minh Long; hành lang Ba Tơ - Sơn Hà; hành lang Minh Long - Ba Tơ giúp kết nối các khu bảo tồn trong tỉnh, các hệ sinh thái quan trọng.

- Khu vực cảnh quan các sinh thái quan trọng: đầm nước mặn An Khê thuộc địa phận xã Phổ Thạnh (TX. Đức Phổ) có tổng diện tích khoảng hơn 150 ha; đầm nước lợ Lâm Bình thuộc địa phận TX. Đức Phổ có tổng diện tích khoảng 170 ha; hệ sinh thái rừng ngập mặn hiện có 182,47 ha đất có RNM phân bố ở hai huyện Bình Sơn (173,34 ha) và Sơn Tịnh (9,13 ha).

**c) Quan trắc môi trường đất, nước, không khí**

Quy hoạch và duy trì 31 điểm quan trắc nước mặt, 05 điểm quan trắc nước mặt tự động; 51 điểm quan trắc nước dưới đất (vùng đô thị 11 vị trí; vùng tác động bởi bãi rác, nghĩa trang (14 vị trí); vùng nông nghiệp - nông thôn 07 vị trí; vùng du lịch 04 vị trí; vùng công nghiệp - làng nghề 12 vị trí; vùng nuôi trồng thủy sản 03 vị trí); 22 điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ; 57 điểm quan trắc không khí xung quanh và tiếng ồn, 02 điểm quan trắc không khí tự động, 24 điểm quan trắc chất lượng đất và 4 quan trắc môi trường trầm tích.

#### ***d) Bảo vệ rừng và phát triển rừng***

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch 3 loại rừng. Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan; lâm nghiệp đô thị, du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Cùng cố và bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, nâng cấp thành rừng đặc dụng, nhằm bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử, văn hoá và cảnh quan; tập trung xây dựng và củng cố các khu rừng phòng hộ môi trường đô thị, khu công nghiệp; đẩy mạnh trồng cây phân tán, cải tạo cảnh quan môi trường. Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, góp phần phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng.

#### ***e) Sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ***

- Sắp xếp, phân bố nghĩa trang:

+ Xây dựng nghĩa trang tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu. Di dời các nghĩa trang khi không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục.

+ Nghĩa trang cấp vùng tỉnh: xây dựng mới 4 nghĩa trang cấp vùng tỉnh, phục vụ liên huyện, liên đô thị gồm: nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi; nghĩa trang Phụng Hoàng (Khu kinh tế Dung Quất) và nghĩa trang công viên Sơn Viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn.

+ Nghĩa trang cấp vùng huyện: xây dựng 8 nghĩa trang tập cấp vùng huyện.

+ Nghĩa trang tập trung cấp huyện: Đến năm 2030 xây dựng 30 nghĩa trang với tổng diện tích khoảng 113,8 ha, phục vụ tại mỗi đô thị và cụm xã nông thôn.

- Quy hoạch các nhà tang lễ: gắn liền với cơ sở nghĩa trang trên địa bàn thành phố, thị xã, các huyện nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu của người dân địa phương. Cải tạo các nhà tang lễ hiện có, xây dựng thêm 06 nhà tang lễ tại các đô thị vùng huyện.

- Xây dựng các nhà hỏa táng: tại nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng tại Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa; tại nghĩa trang Phụng Hoàng; tại nghĩa trang núi Vòng Sỏi, huyện Lý Sơn;

- Xây dựng các cơ sở hỏa táng: tại công viên nghĩa trang tại xã Tịnh Ấn Đông; tại công viên nghĩa trang Bình Hiệp; tại nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng Đức Phổ, TX Đức Phổ; tại thị trấn Di Lăng.

## **2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên**

***a) Khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản***

Khoanh định 371 khu vực bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản, trong đó: 340 khu vực mỏ vật liệu xây dựng và 31 khu vực mỏ khoáng sản kim loại, khoáng chất, than bùn và khoáng sản khác.

***b) Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản nhưng chưa khai thác, cấm khai thác, cần bảo vệ với từng loại khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch***

Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

### **3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

- Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh gồm 06 vùng: Thượng Trà Bồng; Thượng Trà Khúc (địa phận được tính từ kênh chính Nam Thạch); Thượng sông Vệ; Trà Câu; Hạ Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ; huyện đảo Lý Sơn.

- Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong kỳ quy hoạch được sắp xếp từ cao đến thấp cụ thể như sau: sinh hoạt; công nghiệp; du lịch, dịch vụ; nông nghiệp; thủy sản; chăn nuôi.

- Nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt, sản xuất: gồm 02 nguồn nước: nguồn nước dưới đất (thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, thị trấn Trà Xuân, thị trấn Mộ Đức, đô thị Thạch Trụ v.v.) và nguồn nước mặt (thị xã Đức Phổ, thị trấn Di Lăng, KKT Dung Quất v.v.). Trong thời kỳ quy hoạch, hệ thống cấp nước sinh hoạt chủ yếu lấy từ các nguồn nước mặt trên lưu vực các sông suối là chính, hạn chế tối đa khai thác nguồn nước dưới đất, tránh làm suy giảm cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

- Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 02 trạm quan trắc tài nguyên nước mặt: trạm Sơn Giang (xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà) và trạm Trà Khúc (huyện Sơn Tịnh) và 09 trạm với 14 giếng quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

- Danh mục các công trình điều tiết khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước trong kỳ quy hoạch đề xuất nâng cấp, cải tạo 12 công trình và xây dựng mới khoảng 5 công trình.

- Mạng lưới quan trắc môi trường nước mặt của quốc gia: Hệ thống sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi bố trí 17 điểm quan trắc môi trường nước mặt định kỳ<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> Phụ lục III kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ



- Đến năm 2030 mạng lưới quan trắc môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh có 31 vị trí (gồm sông Trà Khúc (06 vị trí); Sông Trà Bồng (05 vị trí); Sông Vệ (05 vị trí); Sông Trà Câu (03 vị trí); Sông Bàn Giang (03 vị trí); Sông Thoa (03 vị trí); Suối Bản Thuyền (02 vị trí); Kênh Bàn Lãng (01 vị trí); Kênh Chìm (01 vị trí); Hồ Nước Trong (01 vị trí) và Đầm An Khê (01 vị trí)); Mạng lưới quan trắc môi trường nước dưới đất gồm 51 vị trí (gồm Vùng đô thị (11 vị trí); Vùng tác động bởi bãi rác, nghĩa trang (14 vị trí); Vùng nông nghiệp - nông thôn (07 vị trí); Vùng du lịch (04 vị trí); Vùng công nghiệp - Làng nghề (12 vị trí); Vùng nuôi trồng thủy sản (03 vị trí)).

- Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, xây dựng hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai cho các lưu vực sông thuộc tỉnh; bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống lũ, lụt cho hạ lưu phù hợp với phương án phòng, chống lũ, lụt của lưu vực sông; rà soát các công trình hồ chứa nước, đập dâng đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, công ngăn mặn, giữ ngọt, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng, chống xâm nhập mặn và nước biển dâng; rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.d) Phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

#### **4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

##### **a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn**

- Vùng chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng trong bão: các huyện bị ảnh hưởng trực tiếp: Bình Sơn, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi (trong đó tập trung tại 22 xã ven biển). Các huyện bị ảnh hưởng gián tiếp: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng.

- Vùng lũ quét, sạt lở đất: các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét và sạt lở đất bao gồm các huyện miền núi: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng; các huyện đồng bằng, bao gồm: Đức Phú (Mộ Đức); Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Nhơn, Phổ Hòa, Phổ Châu (thị xã Đức Phổ); Bình An, Bình Khương (huyện Bình Sơn); Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn (huyện Tư Nghĩa).

- Vùng xói lở bờ sông, bờ biển: Bình Chương, Bình Dương, Bình Minh, Bình Châu, Bình Hải; Tịnh Kỳ, nghĩa An; Đức Lợi, Đức Hiệp; Nghĩa Kỳ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Phương, thị trấn Sông Vệ; Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Minh, Phổ Thuận, Phổ Phong, Phổ Thạnh, Phổ Châu; Tịnh Hà, Tịnh Sơn; Hành Tín Đông; Long Sơn; Di Lăng; Sơn Dung; Trà Tân, Trà Xuân, Trà Phú, Trà Thủy, Trà Xinh, Trà Phong, Trà Bình; huyện đảo Lý Sơn.

- Vùng ngập úng: vùng đồng bằng ven biển hàng năm xảy ra tình trạng ngập úng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, điển hình là vùng ngập úng Sông Thoa. Ngoài ra còn có các vùng ngập úng cục bộ khác như vùng hạ lưu sông Trà Bồng, vùng phía Đông huyện Sơn Tịnh, vùng hạ lưu sông Trà Khúc, vùng tiêu vào sông Vệ.

***b) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu***

- Phòng ngừa là chính kết hợp với phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và “3 sẵn sàng” (chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả).

- Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Chuyển đổi các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với BĐKH, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro trong nông nghiệp.

- Thường xuyên thực hiện củng cố, tu sửa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai. Củng cố, phát triển thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới; nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng. Phát triển hạ tầng thủy lợi chủ động tưới, tiêu theo hướng tiên tiến, tiết kiệm nước

- Xây dựng hoàn thiện dần các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát BĐKH. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh (sạt lở bờ sông, mức độ ngập lụt, khu vực lũ quét, khu vực hạn hán, nguy cơ bão v.v.).

***c) Phương án phòng, chống chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai***

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có đê thuộc 04 hệ thống sông, gồm: sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Câu.

- Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng chống lũ. Ưu tiên xây dựng tuyến đê khép kín các tuyến sông chính. Nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các tuyến sông. Nạo vét, mở rộng, khơi thông các trục tiêu chính. Nghiên cứu các giải pháp chỉnh trị, đưa vào khai thác các bãi sông, bãi nổi hạ lưu sông Trà Khúc phục vụ phát triển kinh tế trên cơ sở đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất thiết kế đã được quy định, đảm bảo môi trường và các quy định của pháp luật.

**VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

**1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

- Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2021-2030 khoảng 410 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn cho giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 150 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 260 nghìn tỷ đồng. Dự kiến vốn từ NSNN trong giai đoạn 2021 - 2025 là khoảng 37 - 38 nghìn tỷ và 2026 - 2030 là khoảng 60 - 65 nghìn tỷ (với giả định vốn đầu tư từ NSNN tăng bình quân 10%/năm). Dự kiến vốn từ ngoài nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 là khoảng 120 nghìn tỷ và 2026 - 2030 là khoảng 200 nghìn tỷ.

- Về nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

+ Xem xét kiến nghị với Trung ương về xây dựng cơ chế, chính sách huy động từ nguồn thu hợp lý để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển tỉnh.

+ Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Trong cơ cấu chi NSNN, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo tỷ lệ hợp lý và sự gắn kết chặt chẽ giữa hai khoản chi này nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xác định rõ các khoản chi trọng điểm, thứ tự ưu tiên các khoản chi, loại bỏ các khoản chi bất hợp lý.

- Về nguồn vốn từ ngoài ngân sách nhà nước:

- rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư.

+ Chú trọng vào chất lượng nhà đầu tư và dự án đầu tư, tránh sự manh mún, chẻ nhỏ quỹ đất, đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

+ Xác định rõ trọng tâm đầu tư, đặc biệt chú trọng thu hút các dự án đầu tư các ngành mà tỉnh có lợi thế so sánh và phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và xu thế phát triển chung trong tương lai.

## **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề liên tục cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hoá chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường. Phát triển mối liên kết giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu.

- Khuyến khích lao động tham gia học nghề, xây dựng chiến dịch truyền thông để loại bỏ các định kiến về việc học nghề.

- Kết nối thông tin thị trường lao động, hình thành và phát triển sàn giao dịch việc làm.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế thu hút nguồn lao động từ ngoại tỉnh hoặc con em Quảng Ngãi làm ăn xa quê về làm việc tại Quảng Ngãi.

## **3. Giải pháp về bảo vệ môi trường**

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và bám sát thực tế các vấn đề về môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng phí bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các KCN, CCN và làng nghề. Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường.

#### **4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử, giải quyết các thủ tục hành chính công trực tuyến, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh v.v. Cải thiện các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), và chỉ số Chuyển đổi số (DTI) v.v.

- Nâng dần tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho nghiên cứu và công tác triển khai ứng dụng, phấn đấu đạt 0,5-1% GRDP. Đẩy mạnh xã hội hoá và đầu tư theo cơ chế phối hợp đối tác công - tư trong xây dựng hệ thống các tổ chức và phát triển đội ngũ KH&CN.

- Phát triển KH&CN có trọng tâm, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế.

#### **5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

- Phối hợp với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng phụ cận để khai thác các tiềm năng của từng địa phương, đẩy nhanh tiến độ phát triển kinh tế-xã hội như tăng cường kết nối với Khu kinh tế mở Chu Lai dựa trên các kết nối về hạ tầng giao thông sẵn có; liên kết phát triển vận tải, logistics với Kon Tum, Quảng Nam; khai thác các tuyến/tour du lịch kết nối với các điểm du lịch trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các tỉnh lân cận.

- Tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Vận dụng và triển khai hiệu quả các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết. Thiết lập các đối tác chiến lược với các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa trên quan hệ thương mại và hợp tác phát triển, đầu tư, cung ứng các sản phẩm có chất lượng và yếu tố kỹ thuật cao.

#### **6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc. Kiểm tra và đảm bảo các hoạt động đầu tư, xây dựng, công trình kiến trúc trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, phù hợp với đặc điểm kiến trúc đô thị, nông thôn.

- Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất trong thời kỳ 2021-2030, đặc biệt là lộ trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất đô thị, đảm bảo quỹ đất nông nghiệp, quỹ đất rừng và tương ứng với cơ cấu quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị.

- Gắn liền quá trình đô thị hoá, phát triển các khu đô thị - dịch vụ với công nghiệp hoá để tăng sức lan toả của KCN, CCN. Với định hướng phát triển KKT Dung Quất trở thành đô thị biển vào năm 2050, tiếp tục triển khai một số công trình hạ tầng trong KKT để thu hút đầu tư, đồng bộ hạ tầng dịch vụ, thương mại và cảnh quan trong đô thị.

- Thực hiện đúng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất, CCN, KCN gây ô nhiễm, hoạt động không hiệu quả ra khỏi các đô thị. Xây dựng lộ trình phù hợp để mở rộng ranh giới đô thị, nâng hạng đô thị đối với các khu nông thôn giáp với ranh giới đô thị.

### **7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước**

- Công khai thông tin tuyển dụng lao động cho các vị trí trong cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống tuyển chọn đánh giá đúng năng lực của người tham gia tuyển dụng. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao vào lực lượng cán bộ, công chức quản lý Nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý, kỹ năng và tác phong đội ngũ cán bộ. Tổ chức tập huấn sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức các cấp.

### **8. Giải pháp khác**

- Đảm bảo nội dung quy hoạch phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch, đảm bảo mối liên kết giữa quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng thể và phù hợp với quy hoạch vùng.

- Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện hành động, xây dựng chính sách, đánh giá và huy động nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch có hiệu quả. Tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ 5 năm, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch. Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy hoạch thông qua hệ thống các chỉ tiêu, gắn liền với phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện.

### **Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng; Tổ chức công bố, công khai quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 12 thông qua ngày..... tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Các Ủy ban của QH, Ban CTĐB của UBTW Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; C-PVP, các phòng, CV;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**Bùi Thị Quỳnh Vân**